

CỔ PHẦN CHÀO BÁN THUỘC SỞ HỮU CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH (SCIC) TẠI TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM. ĐÂY KHÔNG PHẢI LÀ ĐỢT CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN ĐỂ HUY ĐỘNG VỐN CHO TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM MÀ CHỈ LÀM THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU TRONG CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ KHÔNG LÀM THAY ĐỔI MỨC VỐN ĐIỀU LỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ. SCIC KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ THAM KHẢO THÔNG TIN CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM ĐÃ CÔNG BỐ, ĐỌC KỸ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ, BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ MUA CỔ PHẦN CHÀO BÁN.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

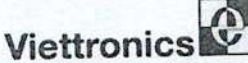
BÁN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

 SCIC	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH (SCIC) Trụ sở chính: Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024 3824 0703 - Fax: 024 6278 0136
---	--

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

 Viettronics	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024 38256404 - Fax: 024 38264786
--	---

TỔ CHỨC TƯ VẤN CHÀO BÁN

 evs[®] SECURITIES	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS (EVS) Trụ sở chính: Tầng 3,6,9 số 2A phố Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024 3772 6699 - Fax: 024 3772 6763
--	--

TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

 HANOI STOCK EXCHANGE SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI	SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 024 3941 2626 - Fax: 024 3934 7818
--	--

THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH

1. Thông tin về Tổ chức phát hành	
- Tên Tổ chức phát hành	: Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam
- Địa chỉ	: Số 15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.
- Vốn điều lệ hiện tại	: 438.000.000.000 đồng
- Tổng số cổ phần đang lưu hành	: 43.800.000 cổ phần
- Mệnh giá một cổ phần	: 10.000 đồng/cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh chính	: Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng; Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng công ty trong và ngoài nước); Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê.
2. Thông tin về đợt chào bán	
- Tên tổ chức chào bán cổ phần	: Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH
- Tên cổ phần chào bán	: Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam
- Loại cổ phần chào bán	: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Tổng số lượng cổ phần chào bán	: 38.529.750 cổ phần (chiếm tỷ lệ 87,97% số cổ phần đang lưu hành)
- Phương thức chào bán	: Đấu giá công khai theo lô (số lô cổ phần đấu giá là 01 lô), theo đó nhà đầu tư phải đăng ký và đặt mua toàn bộ lô cổ phần chào bán (38.529.750 cổ phần), đấu giá thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Giá khởi điểm một lô cổ phần	: 964.344.000.000 đồng/lô cổ phần

- Chuyển quyền sở hữu : Thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

3. Tổ chức tư vấn chào bán**Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS**

Địa chỉ: Tầng 3,6,9 số 2A phố Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3772 6699

Fax: 024 3772 6763

Website: <https://www.eves.com.vn>

4. Tổ chức thực hiện bán đấu giá**Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3941 2626

Fax: 024 3934 7818

MỤC LỤC

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ	8
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	11
1. Rủi ro về kinh tế	11
2. Rủi ro pháp luật	16
3. Rủi ro đặc thù ngành	16
4. Rủi ro của đợt chuyển nhượng vốn	17
5. Rủi ro khác	17
III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	18
1. Tổ chức chào bán cổ phần/Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng.....	18
2. Tổ chức phát hành	18
3. Tổ chức tư vấn chào bán	19
IV. CÁC KHÁI NIỆM.....	21
V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	22
1. Thông tin về tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng	22
2. Mối quan hệ với công ty có vốn đầu tư cần chuyển nhượng.....	23
3. Số cổ phần sở hữu hiện tại.....	23
VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ VỐN CỦA SCIC	23
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	23
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Tổng công ty	29
3. Cơ cấu cổ đông và vốn cổ phần của Tổng công ty tại ngày 14/3/2025.....	32
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty, những công ty mà Tổng công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổng công ty:	33
5. Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty	35
5.1 Sản phẩm dịch vụ chính và cơ cấu doanh thu	35
5.2 Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh	38
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty năm 2023, năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025	39
7. Danh sách hợp đồng đã và đang thực hiện của Tổng công ty	41
8. Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	44
8.1. Vị thế của Tổng công ty trong ngành	44
8.2. Triển vọng phát triển của ngành.....	44
8.3. Triển vọng phát triển của Tổng công ty	45
9. Chính sách đối với người lao động.....	45
9.1. Cơ cấu lao động Tổng công ty	45
9.2. Chính sách đối với người lao động.....	46

10. Chính sách cổ tức	47
11. Tình hình tài chính	48
11.1 Các chỉ tiêu cơ bản	48
11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	59
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	60
13. Tài sản	61
14. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổng công ty.....	64
15. Tình hình quản lý và sử dụng nhà, đất	73
16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo của Tổng công ty	88
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổng công ty:	89
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn.....	89
18.1 Khoản công nợ phải thu của Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	90
18.2 Khoản công nợ phải thu của Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Ngân Thịnh	90
19. Một số lưu ý khác	91
VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	92
1. Tên cổ phần chuyển nhượng	92
2. Loại cổ phần chuyển nhượng	92
3. Tổng số lượng cổ phần dự kiến chuyển nhượng	92
4. Mệnh giá.....	92
5. Phương thức chuyển nhượng vốn.....	92
6. Giá khởi điểm đấu giá	92
7. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm.....	92
8. Tổ chức bán đấu giá cổ phần	92
9. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn.....	92
10. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến	92
11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài	93
12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn	93
13. Các loại thuế có liên quan	93
14. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn	93
VIII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	93
IX. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN	94
X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	96
XI. THAY LỜI KẾT.....	96

DANH MỤC

Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty tại ngày 14/3/2025	32
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Tổng công ty	33
Bảng 3: Danh sách Công ty con tại ngày 30/06/2025.....	33
Bảng 4: Danh sách Công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/06/2025.....	34
Bảng 5: Cơ cấu Doanh thu thuần (Công ty mẹ).....	36
Bảng 6: Cơ cấu Doanh thu thuần (hợp nhất)	37
Bảng 7: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh của Tổng công ty (Công ty mẹ).....	38
Bảng 8: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh của Tổng công ty (Hợp nhất)	38
Bảng 9: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh theo báo cáo tài chính riêng lẻ	39
Bảng 10: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh theo báo cáo tài chính hợp nhất	40
Bảng 11: Danh sách các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện từ năm 2023 đến nay.....	41
Bảng 12: Cơ cấu lao động của Tổng công ty	45
Bảng 13: Thời gian khấu hao Tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính riêng lẻ.....	48
Bảng 14: Thời gian khấu hao Tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính hợp nhất.....	48
Bảng 15: Số dư Thuế và Các khoản phải nộp Nhà nước của Tổng công ty theo báo cáo tài chính riêng lẻ	49
Bảng 16: Số dư Thuế và Các khoản phải nộp Nhà nước của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất.....	50
Bảng 17: Số dư các quỹ của Tổng công ty theo báo cáo tài chính riêng lẻ	51
Bảng 18: Số dư các quỹ của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất	51
Bảng 19: Các khoản phải thu của Tổng công ty theo báo cáo tài chính riêng lẻ.....	51
Bảng 20: Các khoản phải thu của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất	52
Bảng 21: Các khoản nợ xấu theo báo cáo tài chính riêng lẻ.....	52
Bảng 22: Các khoản nợ xấu theo báo cáo tài chính hợp nhất.....	53
Bảng 23: Các khoản phải trả của Tổng công ty theo báo cáo tài chính riêng lẻ.....	56
Bảng 24: Các khoản phải trả của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất	56
Bảng 25: Hàng tồn kho của Tổng công ty theo báo cáo tài chính riêng lẻ	57
Bảng 26: Hàng tồn kho của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất	57
Bảng 27: Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty theo báo cáo tài chính riêng lẻ	58
Bảng 28: Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất	58
Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng công ty theo báo cáo tài chính riêng lẻ	59
Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất	59
Bảng 31: Danh sách thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS và Kế toán trưởng.....	60
Bảng 32: Danh mục tài sản cố định của Tổng công ty tại ngày 31/12/2024 theo báo cáo tài chính riêng lẻ	62

Bảng 33: Danh mục tài sản cố định của Tổng công ty tại ngày 31/12/2024 theo báo cáo tài chính hợp nhất.....	62
Bảng 34: Danh mục tài sản cố định của Tổng công ty tại ngày 30/06/2025 theo báo cáo tài chính riêng lẻ	63
Bảng 35: Danh mục tài sản cố định của Tổng công ty tại ngày 30/06/2025 theo báo cáo tài chính hợp nhất.....	63
Bảng 36: Tình hình quản lý và sử dụng nhà, đất của Tổng công ty	73
Bảng 37: Tình hình đất đai của các đơn vị thành viên Tổng công ty có vốn góp:	77
Bảng 38: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2025 trong trường hợp không thoái vốn tại một số đơn vị có vốn góp theo báo cáo tài chính riêng lẻ.....	88
Bảng 39: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2025 trong trường hợp thoái vốn tại 1-2 đơn vị có vốn góp theo báo cáo tài chính riêng lẻ	88

NỘI DUNG

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/1/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/06/2025;
- Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ;
- Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;
- Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25/12/2017 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;
- Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số

- 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;
- Thông tư số 16/2023/TT-BTC sửa đổi Thông tư 36/2021/TT-BTC hướng dẫn nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP; 32/2018/NĐ-CP; 121/2020/NĐ-CP và 140/2020/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 17/3/2023;
 - Nghị quyết số 253/NQ-CP ngày 26/08/2025 của Chính phủ về việc công bố các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13) tiếp tục có hiệu lực;
 - Quyết định số 25/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 30/3/2018 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;
 - Quyết định số 26/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 29/4/2022 về việc sửa đổi bổ sung một số Điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 25/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 30/3/2018;
 - Quyết định số 79/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 27/08/2021 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ban hành Quy chế mẫu về chuyển nhượng vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần;
 - Quyết định số 97/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 15/10/2021 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ban hành Quy chế bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;
 - Quyết định số 152/QĐ-ĐTKDV ngày 25/5/2022 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc ủy quyền ký quyết định, văn bản, hồ sơ, hợp đồng, thanh lý hợp đồng và các văn bản liên quan trực tiếp tới việc bán cổ phần, bán phần vốn, bán quyền mua của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;
 - Quyết định số 690/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính Phủ về việc Phê duyệt “Kế hoạch sắp xếp lại và Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước đến hết năm 2025;
 - Nghị quyết 195/NQ-ĐTKDV.HĐTV ngày 04/08/2020 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc bán vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;
 - Quyết định số 21/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 25/03/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước phê duyệt Kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2025;
 - Quyết định số 133/QĐ-ĐTKDV ngày 16/05/2025 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phân bổ chỉ tiêu kinh doanh năm 2025;
 - Hợp đồng số 05/2025/SCIC-EVS ký ngày 27/3/2025 giữa Công ty cổ phần Chứng khoán Everest (nay là Công ty cổ phần Chứng khoán EVS) với Tổng công ty Đầu tư và Kinh

doanh vốn Nhà nước về dịch vụ tư vấn và tổ chức bán cổ phần tại Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam;

- Chứng thư thẩm định giá số 031.2025.30E/CT-ĐG/VAE do công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam phát hành ngày 28/07/2025 về tư vấn giá khởi điểm chuyển nhượng vốn tại Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (Không bao gồm Báo cáo kết quả thẩm định giá);
- Nghị quyết số 216/NQ-ĐTKDV.HĐTV ngày 10/09/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn đầu tư của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam ;
- Quyết định số 232/QĐ-ĐTKDV ngày 12/09/2025 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các Nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần này để có những đánh giá và quyết định phù hợp trong việc tham gia đầu tư của mình đối với cổ phần của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

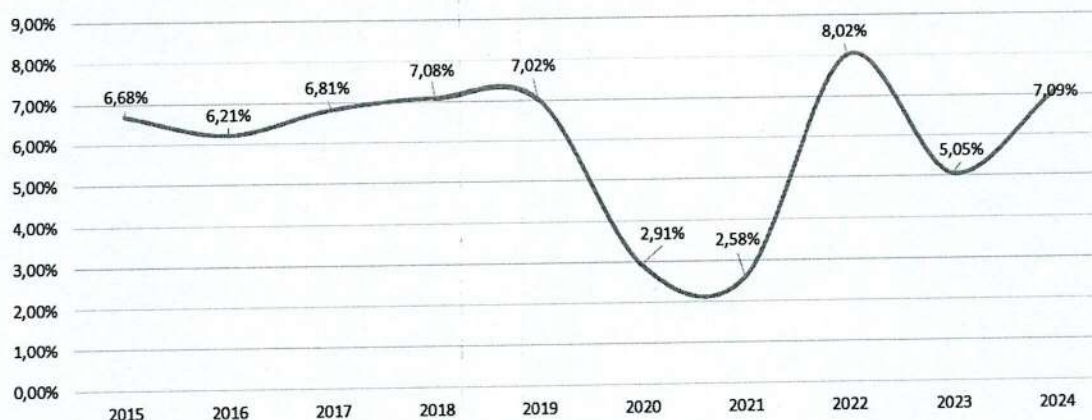
1. Rủi ro về kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) lạm phát; iii) lãi suất và iv) tỷ giá hối đoái. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

❖ Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế là một trong những yếu tố quan trọng và có ảnh hưởng rất lớn đến hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng nông nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam từ 2015 - 2024



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Trong giai đoạn năm 2015 - 2019, kinh tế thế giới đang trong đà phục hồi, các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Liên minh Châu Âu đạt mức tăng trưởng khả quan. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam được duy trì ở mức khá trong giai đoạn 2015 - 2019 với mức bình quân GDP đạt 6,76%/năm.

Giai đoạn năm 2020 - 2021, dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh và đã đặt ra không ít thách thức trong công tác quản lý, điều hành để

phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội. Năm 2020, tăng trưởng kinh tế đạt 2,91%, năm 2021 đạt 2,58%. Tuy đây là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2015 - 2023 nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Bước sang năm 2022-2023, tình hình thế giới trải qua giai đoạn đầy biến động và thách thức. Dịch bệnh Covid-19 dần dần được kiểm soát, các nền kinh tế trên thế giới từng bước mở cửa trở lại. Tuy nhiên, xung đột Nga – Ukraine bùng phát, tình hình ở Trung Đông ngày càng căng thẳng đã gây ảnh hưởng nặng nề đến đà phục hồi của chuỗi cung ứng. Áp lực lạm phát bắt đầu tăng cao và kéo dài trong năm 2022 khiến các ngân hàng Trung Ương của nhiều nền kinh tế phải thực hiện các chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát. Với quyết tâm phục hồi và phát triển kinh tế để không lỡ nhịp với đà phục hồi của kinh tế thế giới, đồng thời đạt được mục tiêu của Nghị quyết Đại hội XIII, ngày 30/01/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình. Theo Tổng cục thống kê, GDP năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2015 – 2022 do nền kinh tế khôi phục trở lại. Sang năm 2023, mặc dù, GDP tăng trưởng 5,05%, thấp hơn chỉ tiêu đề ra nhưng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam vẫn cao gấp đôi mức độ tăng trưởng kinh tế trung bình của toàn thế giới, quý sau cao hơn quý trước. Thực tế này phần nào cho thấy hiệu quả của công tác điều hành hỗ trợ cho đà phục hồi và cải thiện khả năng chống chịu của nền kinh tế, các hoạt động sản xuất kinh doanh dần lấy lại đà tăng trưởng, cho thấy chính sách phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đã phát huy hiệu quả.

Năm 2024, tình hình thế giới còn nhiều khó khăn và thách thức với nhiều yếu tố bất định về kinh tế, chính trị; ở trong nước, ảnh hưởng do thiên tai, biến đổi khí hậu đã gây thiệt hại không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, với sự linh hoạt, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự chung tay của các doanh nghiệp, người dân, kinh tế Việt Nam tiếp tục đà hồi phục với mức tăng trưởng GDP 7,09%. Mặc dù chưa đạt mức tăng trưởng đại dịch nhưng đây là mức cao thứ hai kể từ năm 2020, chỉ thấp hơn năm 2022 với 8,54%. Một trong những điểm sáng của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024 là việc kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt kết quả cao nhất từ trước đến nay, đạt 786,3 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2023.

Việc áp dụng và điều hành nền kinh tế một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ tiếp tục hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời, giảm thiểu các rủi ro kinh tế cho các doanh nghiệp nói chung và cho Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam nói riêng.

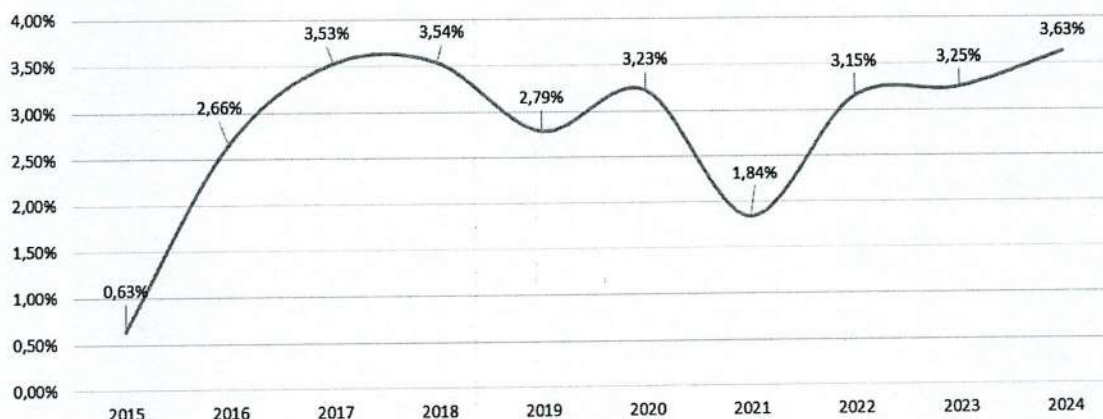
❖ Lạm phát

Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến các chủ thể trong nền kinh tế nói chung và đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng. Rủi ro lạm phát tăng sẽ dẫn đến tăng chi phí kinh doanh, bên cạnh đó, rủi ro lạm phát còn ảnh hưởng đến mức lãi suất chiết khấu sử dụng vốn, làm giảm giá trị dòng tiền hiện tại. Ngược lại, lạm phát cũng tiềm ẩn rủi ro

đối với các doanh nghiệp trong nền kinh tế, đi kèm với sự suy giảm nhu cầu thị trường và đình trệ chi tiêu của toàn bộ nền kinh tế.

Giai đoạn từ năm 2015 - 2020, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp với chính sách tài khóa nhằm kiểm soát và duy trì lạm phát luôn ở mức dưới 4%.

Hình 2. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam từ 2015 - 2023



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Trong giai đoạn ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 năm 2020 và 2021, tốc độ tăng CPI chậm lại do: (i) Giá các mặt hàng thiết yếu như xăng, dầu giảm; giá gas trong nước giảm; (ii) Ảnh hưởng của dịch Covid-19 và nhu cầu đi lại, du lịch của người dân sau Tết giảm làm giá của nhóm du lịch trọn gói giảm,...; (iii) Chính phủ triển khai hàng loạt các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19 như: gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) triển khai giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng; (iv) Các cấp, các ngành tích cực triển khai thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để ngăn chặn diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 và ổn định thị trường. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với bình quân năm 2019, CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, đánh dấu năm 2021 là năm tăng bình quân thấp nhất trong vòng 6 năm trở lại đây (giai đoạn 2016-2021).

Sau khi dịch bệnh Covid-19 được cơ bản kiểm soát, nhu cầu của toàn nền kinh tế trên đà phục hồi khiến cho giá cả các mặt hàng năng lượng, lương thực có xu hướng tăng và biến động phức tạp gây áp lực tăng giá lên thị trường trong nước. Trong năm 2022, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt các Bộ, ngành, địa phương thực hiện linh hoạt, đồng bộ các giải pháp bình ổn giá, hạn chế những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ đó, chỉ số giá tiêu dùng của Việt Nam bình quân năm 2022 tăng 3,15% so với năm 2021. Năm 2023, thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội. Nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, tổng cầu suy yếu, kinh tế tăng trưởng chậm trong khi thị trường tài chính tiền tệ, bất động sản tại một số nước tiềm ẩn nhiều rủi ro. Chính phủ đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế như: giảm mặt bằng lãi suất cho vay, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai các gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; giảm thuế giá trị gia

tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8%. CPI bình quân năm 2023 của Việt Nam tăng 3,25%, đây là năm thứ 10 liên tiếp Việt Nam kiểm soát được lạm phát theo mục tiêu.

Năm 2024, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tăng 3,63% so với năm 2023. Bình quân năm 2024, lạm phát cơ bản tăng 2,71% so với năm 2023, thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,63%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản. Tổng cục Thống kê đánh giá đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội ở trong nước, hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

Để giảm thiểu tác động của lạm phát đối với hoạt động kinh doanh của mình, Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã triển khai các chính sách, công cụ phù hợp nhằm kiểm soát chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ Lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí vay tăng, ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Sự biến động của lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến các chi phí lãi vay hàng năm của các doanh nghiệp. Trong những năm trở lại đây, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng linh hoạt, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng.

Để kiềm chế lạm phát và bảo vệ sự ổn định tài chính, trong năm 2022, các ngân hàng trung ương trên thế giới đã tăng tốc thắt chặt chính sách tiền tệ thông qua tăng lãi suất, nhất là việc Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ (Fed) tăng lãi suất mạnh đã dẫn đến sự tăng giá mạnh của đồng USD so với nhiều loại tiền tệ khác. Điều này đã tạo ra những áp lực lớn lên tỷ giá, lãi suất các đồng tiền, nhất là các nền kinh tế nhỏ có độ mở lớn như Việt Nam. Chỉ trong tháng 9 và tháng 10 năm 2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có 02 lần điều chỉnh tăng lãi suất, cụ thể: Tăng 02 lần các mức lãi suất điều hành với tổng mức tăng 2% (lãi suất tái cấp vốn tăng từ 4%/năm lên 6%/năm, lãi suất tái chiết khấu tăng từ 2,5%/năm lên 4,5%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tăng từ 5%/năm lên 7%/năm (Quyết định số 1606/QĐ-NHNN ngày 22/9/2022, Quyết định số 1809/QĐ-NHNN ngày 24/10/2022); tăng 02 lần lãi suất tiền gửi tối đa bằng VND kỳ hạn dưới 06 tháng tại TCTD với mức tăng 0,8 - 2%/năm (tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 01 tháng tăng từ 0,2%/năm lên 1,0%/năm, kỳ hạn 01 tháng đến dưới 06 tháng tăng từ 4%/năm lên 6%/năm (Quyết định số 1607/QĐ-NHNN ngày 22/9/2022, Quyết định số 1812/QĐ-NHNN ngày 24/10/2022); tăng trần lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND từ 4,5%/năm lên 5,5%/năm (Quyết định số 1813/QĐ-NHNN ngày 24/10/2022) đối với một số lĩnh vực ưu tiên.

Trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành giảm lãi suất để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế thông qua việc liên tục điều chỉnh giảm 4 lần các mức lãi suất điều hành, với mức giảm 0,5-2,0%/năm, trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao; đồng thời, có nhiều văn bản chỉ đạo, trực tiếp làm việc với các tổ chức tín dụng đề nghị giảm lãi suất huy động để giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Mặt bằng lãi suất đã giảm đáng kể trong năm 2023,

lãi suất tiền gửi và cho vay bình quân của các giao dịch phát sinh mới bằng VND giảm 2-3% so với cuối năm 2022. Trong lần giảm lãi suất điều hành lần thứ tư, có hiệu lực từ 19/6/2023, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng giảm từ mức 5,5%/năm xuống 5%/năm; lãi suất tái cấp vốn giảm từ mức 5,0%/năm xuống 4,5%/năm; lãi suất tái chiết khấu giảm từ mức 3,5%/năm xuống 3,0%/năm. Lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giữ nguyên ở mức 0,5%/năm; lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ mức 5,0%/năm xuống 4,75%/năm, riêng lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND tại quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô giảm từ mức 5,5%/năm xuống 5,25%/năm; lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên do tổ chức tín dụng ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường. Việc điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nhà nước nhằm tiếp tục thực hiện chủ trương của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về giảm mặt bằng lãi suất, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tăng khả năng tiếp cận vốn, góp phần phục hồi sản xuất kinh doanh.

Theo báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 của Tổng Cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước vẫn giữ nguyên lãi suất điều hành năm 2024 để hỗ trợ các tổ chức tín dụng tiếp cận vốn vay của Ngân hàng Nhà nước với chi phí thấp, góp phần hỗ trợ cho nền kinh tế và tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng giảm chi phí hoạt động để giảm lãi suất cho vay. Chính vì vậy, mặt bằng lãi suất cho vay đối với các giao dịch phát sinh mới của các ngân hàng thương mại có xu hướng giảm trong năm 2024.

Để hạn chế rủi ro tối đa, Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã thực hiện phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của Tổng công ty.

❖ Tỷ giá hối đoái

Tỷ giá hối đoái là một nhân tố có tác động không nhỏ đến nền kinh tế của các quốc gia có hoạt động ngoại thương lớn như Việt Nam. Mỗi biến động trên thị trường ngoại hối quốc tế và Việt Nam sẽ có ảnh hưởng ngay tức thì tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có hoạt động giao thương, cung cấp dịch vụ với nước ngoài, cũng như tới cán cân thanh toán quốc gia.

Năm 2022, để kiềm chế lạm phát tăng cao trên toàn cầu, các Ngân hàng Trung Ương lớn trên thế giới đã phải tiến hành các đợt tăng lãi suất nhanh và mạnh nhất trong lịch sử nhiều năm. Điều này đã gây lên áp lực lớn lên tỷ giá VND. Đã có thời điểm, tỷ giá USD/VND leo lên mức kỷ lục, gần 24.900 đồng, đưa mức mất giá của VND so với đầu năm 2022 lên mức 8,6%. Trước sức ép liên tục gia tăng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã phải bán ra lượng lớn ngoại tệ từ dự trữ ngoại hối để ổn định thị trường, thực hiện tăng lãi suất, chuyển phương thức giao dịch ngoại tệ từ bán kỳ hạn 3 tháng sang phương thức bán giao ngay,... Việc Ngân hàng Nhà nước đã sử dụng đồng bộ, linh hoạt các công cụ nêu trên, cộng với việc các Ngân hàng Trung Ương lớn trên thế giới giảm tốc độ tăng lãi suất vào thời điểm cuối năm, tỷ giá đồng USD/VND chỉ còn ở mức 23.774 đồng.

Giai đoạn đầu năm 2023, diễn biến tỷ giá USD/VND tương đối ổn định, dao động trong khoảng từ 23.700 đồng đến 24.000 đồng. Tuy nhiên, trong bối cảnh lạm phát tại Mỹ có dấu

hiệu leo thang trở lại, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) có thể tăng thêm lãi suất để kiềm chế lạm phát, áp lực tăng giá USD từ thị trường quốc tế đã gây sức ép khiến tỷ giá USD/VND tăng vọt từ tháng 7 năm 2023 và tạo đỉnh ở mức 24.760 đồng vào ngày 23/10/2023. Để hạ nhiệt cho tỷ giá USD/VND, Ngân hàng Nhà Nước đã phát hành tín phiếu trên thị trường mở (OMO) nhằm mục đích hút bớt thanh khoản thị trường, từ đó đẩy mặt bằng lãi suất liên ngân hàng VND tăng, giúp giảm mức chênh lệch lãi suất giữa đồng USD và VND.

Bước sang năm 2024, nhiều nhân tố khách quan như: doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng cường chuyển lợi nhuận về nước; dòng vốn đầu tư gián tiếp bị rút ròng mạnh; nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của khu vực tư nhân tăng vọt; một lượng ngoại tệ lớn chảy ra khỏi thị trường qua các kênh không chính thức khiến cung – cầu ngoại tệ mất cân đối. Hệ quả là ở nhiều thời điểm, tỷ giá tăng tới 5% chẳng hạn như tháng 4, 5, 6. Áp lực tỷ giá vừa dịu đi vào cuối quý 3 (tháng 9/2024) nhưng lại tăng trở lại vào quý 4 năm 2024 do nền kinh tế Mỹ mạnh mẽ hơn dự báo và việc ông Donald Trump giành chiến thắng trong cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ. Tính tới cuối tháng 12/2024, tỷ giá VND/USD tăng khoảng 4,5% so với đầu năm. So với các quốc gia trong khu vực, Việt Nam là một trong các quốc gia có đồng nội tệ ổn định nhất.

2. Rủi ro pháp luật

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, rủi ro pháp lý xảy ra trong quá trình chấp hành pháp luật do những thay đổi quy định hoặc không tuân thủ đúng các quy định của pháp luật làm phát sinh ra sai sót, tranh chấp, kiện cáo,... từ các bên có liên quan trong hoạt động của Tổng công ty.

Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và là công ty đại chúng, mọi hoạt động của Tổng công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đất đai, Luật kinh doanh bất động sản, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật đấu thầu và các văn bản pháp luật hướng dẫn liên quan. Đồng thời, Tổng công ty cũng chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển, những ưu đãi, khuyến khích, hay hạn chế, các chính sách thuế... về những ngành nghề hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty.

Với xu hướng phát triển của nền kinh tế, Chính phủ đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật theo hướng đơn giản, minh bạch, ổn định theo thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, hệ thống luật pháp của Việt Nam hiện nay đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro về mặt pháp lý cho hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Để hạn chế rủi ro này, Tổng công ty chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định của Nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển hoạt động kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam là đơn vị đã hoạt động lâu năm trong ngành Điện tử - Tin học, có đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm và tay nghề cao. Một số sản phẩm đã và đang khẳng định vị trí đối với người tiêu dùng trong nước.

Sau khi Việt Nam gia nhập WTO, sức ép cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành càng lớn, đặc biệt là dòng vốn đầu tư của các tập đoàn điện tử nước ngoài đổ vào Việt Nam ngày càng nhiều. Đây là thách thức không nhỏ đối với Tổng công ty. Nhận thức được những vấn đề này,

Tổng công ty luôn quan tâm xây dựng các giải pháp kế hoạch kinh doanh bám sát tình hình thực tế để hạn chế rủi ro đặc thù ngành trong quá trình hoạt động kinh doanh.

4. Rủi ro của đợt chuyển nhượng vốn

Đợt chuyển nhượng vốn cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH tại Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: diễn biến tình hình thị trường, nhu cầu đầu tư, sự kỳ vọng của nhà đầu tư vào cổ phiếu của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tại thời điểm chuyển nhượng vốn.

Đợt chuyển nhượng vốn theo hình thức đấu giá công khai cả lô cổ phần có rủi ro là không chuyển nhượng thành công số cổ phần dự định chào bán. Tuy nhiên đây là đợt chuyển nhượng vốn nhằm chuyển quyền sở hữu cổ phần tại Tổng công ty, không phải thuộc đợt chào bán huy động vốn, do đó trong trường hợp đợt chào bán này không thành công thì cũng không ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty.

5. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

III. NHỮNG TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức chào bán cổ phần/Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước – Công ty TNHH

Trụ sở chính: Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 3824 0703 - Fax: 024 6278 0136

Đại diện theo ủy quyền: **Lê Thanh Tuấn**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Quyết định số 152/QĐ-ĐTKDV ngày 25/05/2022 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc ủy quyền ký quyết định, văn bản, hồ sơ, hợp đồng, thanh lý hợp đồng và các văn bản liên quan trực tiếp tới việc bán cổ phần, bán phần vốn, bán quyền mua của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này được xây dựng trên cơ sở tài liệu và số liệu do Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cung cấp. Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức phát hành

Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 38256404 - Fax: 024 38264786

Đại diện theo pháp luật: **Ông Vũ Hải Vĩnh**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi xác nhận rằng SCIC là cổ đông có quyền sở hữu đầy đủ và hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu mà chúng tôi cung cấp trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Việc chào bán cổ phần này không phải là đợt chào bán để huy động vốn cho Tổng công ty mà chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông và không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký của Tổng công ty.

Các thông tin do Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã cung cấp cho tổ chức tư vấn để xây dựng Bản công bố thông tin này là đúng thực tế và hồ sơ có liên quan, tuy nhiên hạn chế trong phạm vi trình bày trong Bản công bố thông tin chưa thể đầy đủ hết toàn bộ nội dung nhà đầu tư quan tâm theo từng lĩnh vực, sự việc. Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam không được tiếp cận chứng thư thẩm định giá của Tổ chức thẩm định giá làm cơ sở xác định giá chào bán. Do đó, Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam khuyến nghị nhà đầu tư tham khảo Bản công bố thông tin, chịu trách nhiệm tìm hiểu thêm thông tin và tự có đánh giá đầy đủ theo định hướng đầu tư quan tâm.

3. Tổ chức tư vấn chào bán**Công ty cổ phần Chứng khoán EVS**

Trụ sở chính: Tầng 3,6,9 số 2A phố Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 3772 6699 - Fax: 024 3772 6763

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thanh Hải** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH tại Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam do Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS (EVS) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 05/2025/SCIC-EVS ngày 27/03/2025 giữa Công ty Cổ phần Chứng Khoán Everest (nay là Công ty cổ phần Chứng khoán EVS) với Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH về dịch vụ tư vấn và tổ chức bán cổ phần tại Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

Bản công bố thông tin này được EVS soạn thảo và công bố phản ánh trung thực tình hình tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam dựa trên các tài liệu và thông tin do Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cung cấp. Bản công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo. EVS không chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu do Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH và Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cung cấp.

Bản Công bố thông tin này có những lưu ý, điều kiện và hạn chế sau:

- Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này dựa vào các thông tin và số liệu trên BCTC và các số liệu liên quan khác được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; cũng như được tham khảo từ các nguồn khác mà chúng tôi coi là đáng tin cậy. SCIC và EVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của các dữ liệu. Các BCTC được thu thập và sử dụng trong Báo cáo này bao gồm:
 - + Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (“BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2023”);
 - + Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (“BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023”);
 - + Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (“BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024”);
 - + Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (“BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024”);
 - + Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (“BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025”);

- + Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (“BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025”);
- + Các thông tin về tài chính khác do Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cung cấp.
- Bản Công bố thông tin này chỉ xem xét những thông tin và điều kiện tồn tại tính đến ngày 30/06/2025 đã được công bố công khai. Các sự kiện xảy ra sau ngày này chưa được xem xét và SCIC, EVS không có nghĩa vụ phải cập nhật lại Bản Công bố thông tin đối với các sự kiện này;
- Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS, nhân viên của Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán, thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cho SCIC, chính Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam và các khách hàng khác của Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này.
- Bản Công bố thông tin này chỉ có giá trị để tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

IV. CÁC KHÁI NIỆM

Một số từ hoặc nhóm từ sử dụng trong Bản Công bố thông tin được hiểu như sau:

Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng/SCIC: Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước- Công ty TNHH

Tổ chức có vốn của SCIC: Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Tổng công ty/Công ty/Viettronics : Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam

Tổ chức bán đấu giá cổ phần : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tổ chức tư vấn chào bán : Công ty cổ phần Chứng khoán EVS

ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông

BKS : Ban kiểm soát

HĐQT : Hội đồng quản trị

CTCP : Công ty cổ phần

TNHH : Trách nhiệm hữu hạn

CP : Cổ phần

DTT : Doanh thu thuần

TSCĐ : Tài sản cố định

BCTC : Báo cáo tài chính

ĐKDN : Đăng ký doanh nghiệp

UBND : Ủy ban nhân dân

UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước

QSDD : Quyền sử dụng đất

MTV : Một thành viên

2TV : Hai thành viên

V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYÊN NHƯỢNG**1. Thông tin về tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyên nhượng****1.1 Thông tin cơ bản**

Tên tiếng Việt:	TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH
Tên tiếng Anh:	STATE CAPITAL AND INVESTMENT CORPORATION
Tên viết tắt:	SCIC
Loại hình doanh nghiệp:	Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu
Người đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Quốc Huy - Chức vụ: Tổng Giám đốc
Trụ sở chính:	Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại:	(84-24) 3824 0703
Fax:	(84-24) 6278 0136
Website:	www.scic.vn
Vốn điều lệ theo quy định:	19.000.000.000.000 đồng (<i>Mười chín nghìn tỷ đồng</i>)
Logo SCIC	



Giấy Chứng nhận
ĐKDN số:

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 09/07/2010, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 11/03/2022.

1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước – Công ty TNHH (SCIC) được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Với chức năng quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách doanh nghiệp nhà nước nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế nhằm tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường.

Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 8 năm 2006, SCIC quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: dịch vụ tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin,...

SCIC được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển sang mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn

một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10/6/2010.

Ngày 01/11/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của SCIC.

Ngày 25/12/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 147/2017/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP và Nghị định số 148/2017/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

Năm 2018, Bộ Tài chính đã hoàn thành việc bàn giao SCIC về Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

1.3 Lĩnh vực hoạt động

- Tiếp nhận và quản lý phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp do các Bộ, các UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chuyển giao gồm: công ty TNHH MTV; công ty TNHH 2TV; công ty liên doanh có vốn góp của nhà nước; công ty cổ phần được cổ phần hóa từ các doanh nghiệp độc lập 100% vốn nhà nước hoặc mới thành lập; các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty; và doanh nghiệp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp và phần vốn do SCIC tiếp nhận và trực tiếp đầu tư;
- Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, bán vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp được chuyển giao theo quy định hiện hành;
- Đầu tư vốn vào các Tập đoàn, Tổng công ty hoặc công ty mẹ hoạt động trong những lĩnh vực, ngành nghề nhà nước cần nắm giữ quyền chi phối; Các dự án theo chỉ định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; Các ngành, lĩnh vực, dự án đem lại hiệu quả kinh tế theo quy định của pháp luật;
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính; tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

2. Mối quan hệ với công ty có vốn đầu tư cần chuyển nhượng

SCIC là cổ đông Nhà nước và là cổ đông lớn của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

3. Số cổ phần sở hữu hiện tại

Tại ngày 30/06/2025, SCIC hiện đang sở hữu 38.529.750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 87,97% tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tương ứng với giá trị vốn góp theo mệnh giá là 385.297.500.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi lăm tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ VỐN CỦA SCIC

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung về Công ty

- Tên Công ty: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

- Tên Công ty bằng Tiếng Anh: VIETNAM ELECTRONICS AND INFORMATICS JOINT STOCK CORPORATION
- Tên viết tắt: VIETTRONICS.,CORP
- Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Hà Nội
- Số điện thoại: 024 38256404 - Fax: 024 38264786
- Vốn điều lệ: 438.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng)

- Logo: **Viettronics** 

- Mã chứng khoán: VEC

- Sàn giao dịch: UPCOM

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Hải Vĩnh Chức danh: Tổng Giám đốc

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103351 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 28/02/2007, cấp đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 29/3/2023.

- Ngành nghề kinh doanh:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị, linh kiện, chi tiết, cấu kiện, điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng; - Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; - Sản xuất các thiết bị phụ trợ, các loại bao bì phục vụ cho các ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty cổ phần;	3290 (Chính)
2	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ, tư vấn đầu tư, lắp ráp, bảo trì, làm đại lý phân phối cho các công ty trong và ngoài nước)	6209
3	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết - Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5510
4	Quảng cáo	7310

	Chi tiết: Kinh doanh quảng cáo, thông tin (trừ quảng cáo thuốc lá)	
5	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Kinh doanh triển lãm	8230
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê;	6810
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Tư vấn, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 500KV; - Tư vấn, giám sát thi công công trình lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 110KV. Tư vấn, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV;	7710
8	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Kinh doanh các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo; - Kinh doanh các thiết bị, sản phẩm linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;	4659
9	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt các thiết bị: thiết bị điện, điện lạnh, cơ khí, kim loại, khoáng sản, các sản phẩm chế tạo từ cao su, thiết bị và hệ thống xử lý môi trường, thiết bị nâng hạ, thang máy, thiết bị cảnh báo bảo vệ, thiết bị phòng chống cháy nổ, thiết bị phòng thí nghiệm phục vụ sản xuất, nghiên cứu và đào tạo	3320
10	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8299
12	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết:	4659

	- Buôn bán trang thiết bị, dụng cụ y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	
13	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
14	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị y tế và thiết bị chuẩn đoán bệnh có màn hình hiển thị, thiết bị đo lường và xét nghiệm, thiết bị phòng thí nghiệm	3313
15	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
16	Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị y tế	3320
17	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội – ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện – cơ điện công trình; - Thiết kế cấp – thoát nước; - Thiết kế thông gió – cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin – liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế quy hoạch xây dựng; - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; - Thẩm định thiết kế xây dựng công trình; - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; - Tư vấn quản lý dự án; - Kiểm định xây dựng; - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Thiết kế phòng cháy – chữa cháy; - Tư vấn quản lý chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; - Dịch vụ tư vấn đấu thầu.	7710
18	Phá dỡ	4311

19	Chuẩn bị mặt bằng	4312
20	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
21	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
22	Lắp đặt hệ thống điện	4321
23	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy;	4329
24	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn hóa chất.	4669
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng: Công trình dân dụng, công nghiệp, viễn thông, phát thanh – truyền hình, đường dây và trạm biến áp điện; - Xây dựng công trình: Đường dây và trạm biến áp điện đến 500KV, nhà máy công suất lên tới 1000MW	4299

(Nguồn: Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 550730/18 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội ngày 05/9/2018)

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Tổng công ty là Phòng nghiên cứu Điện tử thuộc Bộ Cơ khí và Luyện kim (nay là Bộ Công Thương), được thành lập tháng 10/1970, với gần 200 kỹ sư, cán bộ kỹ thuật ngành điện tử tốt nghiệp các trường đại học trong nước và nước ngoài.

Từ năm 1971 đến năm 1975, Phòng Nghiên cứu Điện tử đã thực hiện nhiều công trình nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực chế tạo vật liệu, linh kiện (vật liệu từ, gốm áp điện, điện trở màng than, đi ốt điem, ...) và thiết bị điện tử chuyên dụng (máy dò khuyết tật kim loại, máy siêu âm, máy hiện sóng, ...).

Sau tháng 5 năm 1975, Phòng Nghiên cứu Điện tử đã chi viện số lượng lớn cán bộ cho các cơ sở công nghiệp điện tử vừa được tiếp quản ở phía Nam. Số cán bộ còn lại tiếp tục xây dựng và phát triển Phòng Nghiên cứu Điện tử trở thành một cơ sở nghiên cứu ứng dụng của Bộ Cơ khí và Luyện kim.

Năm 1980, trên cơ sở các xí nghiệp Điện tử của Bộ Cơ khí Luyện kim trong cả nước, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã quyết định thành lập Liên hiệp các xí nghiệp điện tử trực thuộc Bộ Cơ khí Luyện kim. Liên hiệp có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 1980 đến năm 1984, Liên hiệp các xí nghiệp Điện tử đã cùng cố tổ chức, ổn định sản xuất và đặt nền móng cho sự phát triển của ngành công nghiệp điện tử Việt Nam. Sản phẩm nghe nhìn thương hiệu Viettronics của các xí nghiệp thành viên đã trở nên quen thuộc với người tiêu dùng trong nước và được đối tác nước ngoài biết đến.

Liên hiệp đã đầu tư các dây chuyền sản xuất điện trở, tụ hóa, mạch in của Pháp, Italia, Tiệp Khắc (cũ). Ngoài ra còn có sản xuất được tụ xoay, chuyển mạch, chiết áp cung cấp cho các xí nghiệp trong nước và xuất khẩu sang các nước Xã hội chủ nghĩa cũ.

Năm 1984, để tiện quản lý và tập trung lực lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành điện tử và kỹ thuật tin học, Nhà nước đã quyết định thành lập Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật Tin học trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) bao gồm Liên hiệp các xí nghiệp điện tử Bộ Cơ khí Luyện kim, Công ty IBM và Cục quản lý máy tính thuộc Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước. Sau 04 năm hoạt động, do nhiều nguyên nhân, đến năm 1988, Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật Tin học giải thể.

Năm 1988, trên cơ sở các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của Tổng cục Điện tử và Kỹ thuật tin học, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã quyết định thành lập Liên hiệp Điện tử - Tin học Việt Nam trực thuộc Bộ Cơ khí Luyện kim (sau đó là Bộ Công nghiệp nặng). Từ năm 1988 đến năm 1994, Liên hiệp Điện tử - Tin học Việt Nam đã hoạt động vô cùng khởi sắc và có những bước phát triển mạnh mẽ. Các doanh nghiệp thành viên đẩy mạnh việc lắp ráp ti vi, radio cassette trong nước và chiếm một thị phần đáng kể các sản phẩm và dịch vụ tin học.

Ngày 27/10/1995, Tổng công ty Điện tử và Tin học Việt Nam đã được thành lập theo mô hình Tổng công ty 90 trên cơ sở Liên hiệp Điện tử - Tin học Việt Nam trực thuộc Bộ công nghiệp Nặng (nay là Bộ Công Thương), là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực điện tử và tin học tại Việt Nam hoạt động trong 03 lĩnh vực chính là: điện tử dân dụng, điện tử chuyên dụng và công nghệ thông tin với 13 doanh nghiệp thành viên doanh thu hàng năm khoảng 100 triệu USD, gia công xuất khẩu đạt khoảng 30 triệu USD/năm. Tổng công ty đã hợp tác dưới nhiều hình thức khác nhau với nhiều hãng điện tử và tin học nổi tiếng trên thế giới như Hoa Kỳ, Nhật Bản và các nước Châu Á, v.v...

Tổng công ty đã thành lập 6 liên doanh với nước ngoài sản xuất, kinh doanh các ngành hàng điện tử dân dụng, điện tử, y tế, phụ tùng nhựa,... Ngoài ra, Tổng công ty còn tham gia thành lập một số công ty cổ phần và một Trung tâm nghiên cứu ứng dụng tin học. Tổng công ty Điện tử và Tin học Việt Nam có mạng lưới tiêu thụ và dịch vụ trên cả nước.

Tháng 5/2004, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định cho phép tiến hành cổ phần hóa thí điểm 5 doanh nghiệp Nhà nước ở mức Tổng công ty, trong đó, có Tổng công ty Điện tử và Tin học Việt Nam. Ngay sau đó, đề án cổ phần hóa đã được gấp rút xây dựng để trình Chính phủ. Đề án này được Thủ tướng phê duyệt vào ngày 07/01/2005.

Ngày 21/11/2006, tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam đã thực hiện thành công phiên đấu giá cổ phần lần đầu tiên ra công chúng.

Ngày 03/02/2007, Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, đồng thời là đại hội đồng cổ đông thành lập Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã được tổ chức thành công tại Hà Nội.

Ngày 01/03/2007, Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam chính thức đi vào hoạt động với mô hình mới. Phần vốn Nhà nước được giao về Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH.

Đến nay, Tổng Công ty luôn là một trong những nhà sản xuất và cung cấp lớn của Việt Nam trong lĩnh vực điện tử dân dụng, điện tử công nghiệp, điện tử y tế, viễn thông, công nghệ thông

tin, chuyên cung cấp thiết bị, giải pháp hệ thống, phần mềm, cho các dự án công nghệ thông tin trong phạm vi toàn quốc và một số nước trên thế giới.

2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Tổng công ty

❖ Cơ cấu tổ chức

Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành của Tổng công ty là Điều lệ Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Trụ sở chính:

Địa chỉ: Số 15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 3825 6404 - Fax: 024 3826 4786.

- Văn phòng giao dịch

Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội

- Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: số 197 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

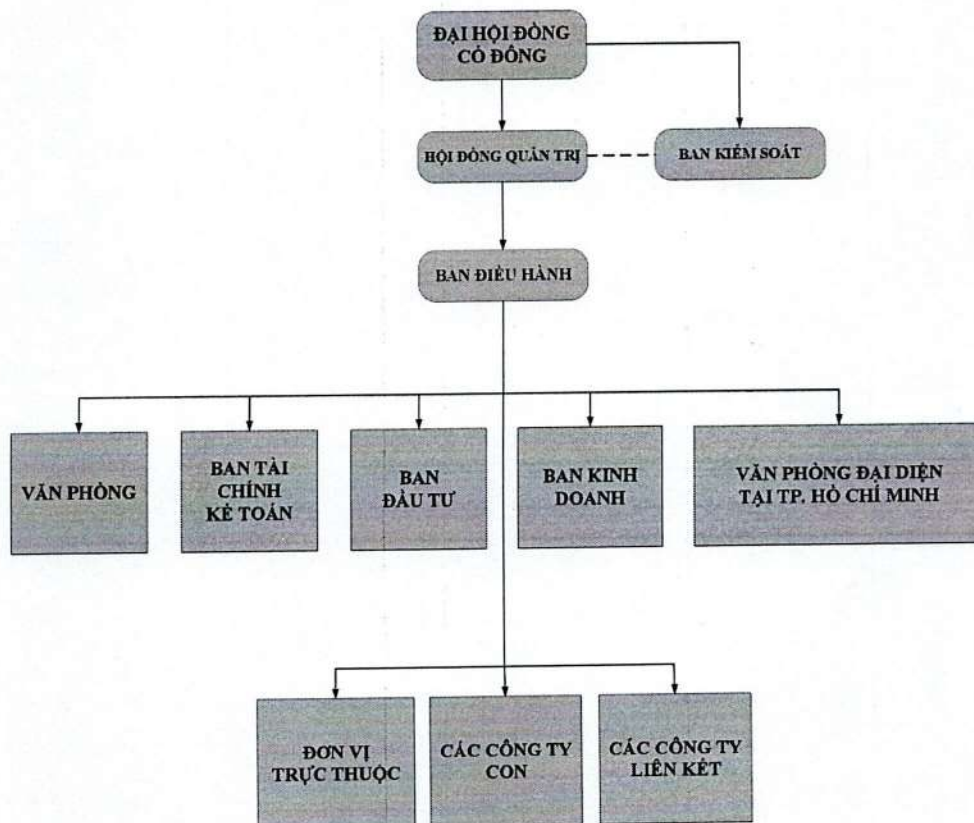
➤ Đơn vị trực thuộc:

- Trưởng cao đẳng Công nghệ Viettronics

Địa chỉ: số 118 Cát Bi, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng.

❖ Cơ cấu bộ máy quản lý

Hình 3. Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý



(Nguồn: Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

➤ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Tổng công ty và bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông; Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ, thông qua định hướng phát triển, kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty; thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên, bầu, bãi miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại và các quyền, nhiệm vụ khác theo điều lệ của Tổng công ty.

➤ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Tổng công ty, có toàn quyền quản lý, chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty trong phạm vi nhiệm vụ và có đầy đủ quyền hạn thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ theo Điều lệ Tổng công ty. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

➤ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp để thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng công ty. Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Tổng công ty.

➤ **Ban Điều hành**

Ban Điều hành gồm có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

➤ **Các phòng/ ban**

✓ **Văn phòng**

Tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực như sau:

- Công tác tổ chức, cán bộ;
- Công tác lao động, tiền lương; Bảo hiểm xã hội và các chính sách, chế độ người lao động;
- Công tác hành chính quản trị; công tác thư văn, lưu trữ;
- Công tác lễ tân, tổng hợp thông tin và các công tác văn phòng khác;
- Công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ, pháp chế, khiếu nại tố cáo;
- Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường;
- Công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng, kỷ luật;
- Công tác an ninh trật tự; phòng cháy chữa cháy; phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai;
- Đầu mối quan hệ giữa Tổng công ty và các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị xã hội trong Tổng công ty mẹ - con;
- Đầu mối cập nhật các văn bản pháp quy, soạn thảo các văn bản và quy định nội bộ của

Tổng công ty trong lĩnh vực Văn phòng phụ trách.

✓ **Ban Đầu tư:**

Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực như sau:

- Công tác quản lý phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp (kể cả đầu tư cho lĩnh vực Giáo dục, Trường);
- Công tác quản lý hoạt động của Người đại diện vốn theo quy chế của Tổng Công ty và các quy định pháp luật có liên quan hiện hành và đầu mỗi nhận báo cáo của người đại diện khác;
- Công tác đầu tư của Tổng công ty: Bao gồm các dự án có vốn đầu tư trực tiếp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty theo các quy định nội bộ của Tổng công ty và các quy định pháp luật có liên quan hiện hành.
- Công tác công bố thông tin: Phối hợp cùng các ban chức năng, bộ phận liên quan để thực hiện công tác công bố thông tin theo quy định hiện hành của Luật Chứng khoán và các quy định liên quan áp dụng đối với quy mô, loại hình doanh nghiệp, hình thức niêm yết/giao dịch chứng khoán tương ứng của Tổng công ty; Công tác công bố, thống kê theo biểu mẫu quy định của cơ quan thống kê, các cơ quan liên quan theo yêu cầu;
- Đầu mỗi cập nhật các văn bản pháp quy, soạn thảo các văn bản và quy định nội bộ của Tổng công ty trong lĩnh vực Ban Đầu tư phụ trách.

✓ **Ban Kinh doanh:**

Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực sau:

- Công tác kinh doanh, thị trường, xuất nhập khẩu;
- Công tác quản lý và phát triển các thương hiệu sản phẩm và thương hiệu Tổng công ty;
- Công tác Hợp tác quốc tế, tổ chức hội, hiệp hội ngành nghề;
- Công tác sản xuất, bảo hành sản phẩm;
- Công tác truyền thông, quảng bá, quản lý và phát triển các thương hiệu sản phẩm và thương hiệu Tổng công ty;
- Công tác khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển;
- Công tác quản lý bí quyết công nghệ;
- Công tác tiêu chuẩn đo lường, chất lượng;
- Đầu mỗi cập nhật các văn bản pháp quy, soạn thảo các văn bản và quy định nội bộ của Tổng công ty trong lĩnh vực Ban Kinh doanh phụ trách;

✓ **Ban Tài chính - Kế toán:**

Chức năng kế toán:

- Theo Kế toán tài chính: Mở hệ thống sổ sách kế toán, lập chứng từ, hạch toán ghi sổ, phản ánh, lập các báo cáo tài chính, lưu giữ chứng từ kế toán, theo Luật Kế toán và các chế độ tài chính quy định của Nhà nước ban hành.
- Theo Kế toán quản trị: Thu nhận, ghi chép, phân loại, tổng hợp, phân tích và báo cáo các nghiệp vụ, sự kiện kinh tế thực sự phát sinh trong Tổng công ty theo chuyên đề.

Chức năng tài chính:

- Huy động, quản lý, phân phối sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực tài chính của Tổng công ty để hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả;
- Xây dựng các quy định, biện pháp quản lý nhằm bảo toàn và phát triển có hiệu quả các nguồn vốn của Tổng công ty;
- Đầu mối giải quyết các vấn đề liên quan đến tài chính kế toán của các công ty có vốn góp của Tổng công ty trong toàn Tổng công ty;
- Định kỳ hàng quý, lập các báo cáo phân tích tình hình tài chính đối với các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty, đánh giá hiệu quả hoạt động về mặt tài chính đầu tư phục vụ cho việc ra quyết định của Ban điều hành và Hội đồng quản trị;
- Hướng dẫn phổ biến, kiến nghị về chế độ chính sách liên quan đến công tác tài chính kế toán cho các công ty có vốn góp của Tổng công ty trong quá trình hoạt động;
- Giám sát phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác;
- Tổ chức thực hiện công tác nghiệp vụ Tài chính – Kế toán của Tổng công ty theo Luật Kế toán do Nhà nước ban hành.

Chức năng kế hoạch:

- Công tác xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, chiến lược phát triển trung hạn, dài hạn của Tổng công ty; Tổng kết, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch; Công tác thống kê, tổng hợp báo cáo.

➤ Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh:

Văn phòng đại diện Tổng công ty tại thành phố Hồ Chí Minh có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Tổng công ty và bảo vệ các lợi ích đó tại khu vực phía Nam. Văn phòng đại diện không thực hiện chức năng kinh doanh của Tổng công ty.

➤ Đơn vị trực thuộc: Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics:

Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty. Toàn bộ vốn và tài sản tại Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics do Tổng công ty sở hữu.

Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics thực hiện chế độ phân cấp trong hoạt động lĩnh vực đào tạo, mua sắm tài sản cố định, hạch toán kế toán, tổ chức nhân sự của Tổng công ty, theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp và các quy định khác của pháp luật.

Tổng công ty quản lý trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics theo nguyên tắc sau: Hội đồng nhà trường có quyền tự chủ hoạt động theo phân cấp của Tổng công ty, chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với pháp luật và Tổng công ty theo các quy chế, quy định về quản lý nội bộ, điều hành của Tổng công ty.

3. Cơ cấu cổ đông và vốn cổ phần của Tổng công ty tại ngày 14/3/2025**Bảng 1: Cơ cấu cổ đông của Tổng công ty tại ngày 14/3/2025**

STT	Thành phần	Số lượng cổ đông (cổ)	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
-----	------------	-----------------------	-----------------------------	--------------------------------------	-------------------

		đồng)			
Trong nước		632	43.789.600	437.896.000.000	99,98%
1	Tổ chức	2	39.093.750	390.937.500.000	89,26%
2	Cá nhân	630	4.695.850	46.958.500.000	10,72%
Nước ngoài		3	10.400	104.000.000	0.02%
1	Tổ chức	0	0	0	0%
2	Cá nhân	3	10.400	104.000.000	0,02%
Cổ phiếu quỹ		0	0	0	0%
Tổng cộng		635	43.800.000	438.000.000.000	100%

(Nguồn: Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

**Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn điều lệ của Tổng công ty
tại ngày 14/03/2025**

STT	Họ và tên	Đăng ký kinh doanh	Địa chỉ	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	0101992921	Số 117 đường Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, TP Hà Nội	38.529.750	87,97%
Tổng cộng				38.529.750	87,97%

(Nguồn: Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

4. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty, những công ty mà Tổng công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổng công ty:**

❖ **Công ty mẹ:**

SCIC là cổ đông Nhà Nước nắm giữ 38.529.750 cổ phần chiếm giữ 87,97% tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng công ty.

❖ **Công ty con:**

Bảng 3: Danh sách Công ty con tại ngày 30/06/2025

STT	Tên công ty	Đăng ký kinh doanh	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức	0300381839	số 15C Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	69	97,01%

2	Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa	0303207317	số 204 Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	29	51%
3	Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình	0300391837	số 248A Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	120	55,54%
4	Công ty cổ phần Điện tử Biên Hòa	3600254548	số 52-54 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	60	51%
5	Công ty cổ phần Công trình Viettronics	0102257491	tầng 5, tòa nhà Sudico, đường Mỹ Trì, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	20	70,97%
6	Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp	0104379777	tầng 11, tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	28,057	91,86%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025 và thông tin do Tổng công ty cung cấp)

❖ Công ty liên doanh, liên kết

Bảng 4: Danh sách Công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/06/2025

STT	Tên công ty	Đăng ký kinh doanh	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty cổ phần Máy tính và Truyền thông	0101518447	số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính	60	35,70%
2	Công ty cổ phần Viettronimex	0301464781	số 74-76 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	25,78	42,16%

3	Công ty cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa	0302754934	số 1026B Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	6,119	33,77%
4	Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam	0301914208	số 26 Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	3	28,52%
5	Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec (*)		48BT3 Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Thành phố Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ		49,00%
6	Công ty trách nhiệm hữu hạn DM Vina	2500577769	Lô CN07, khu công nghiệp Bình Xuyên II, xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất sản phẩm từ Plastic	91,688	41,74%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025 và thông tin do Tổng công ty cung cấp)

(*): Công ty Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế theo quyết định của Hội đồng quản trị năm 2013

5. Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty

5.1 Sản phẩm dịch vụ chính và cơ cấu doanh thu

Các lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty hiện tại:

❖ Lĩnh vực năng lượng và công nghiệp:

- Viettronics là nhà cung cấp giải pháp hệ thống và là doanh nghiệp tổng thầu EPC cho các nhà máy điện bao gồm: Thiết kế, cung cấp thiết bị, dịch vụ, lắp đặt, vận hành, chuyển giao công nghệ, các dịch vụ liên quan tổng thầu EPC các nhà máy thủy điện lên đến 500MW, nhà máy nhiệt điện, trạm biến áp điện lên đến 500KV, nhà máy điện gió, hệ thống giám sát đập, trạm biến áp và đường dây truyền tải.
- Sản phẩm và dịch vụ chính: Hệ thống e-BOP cho nhà máy nhiệt điện, hệ thống xử lý tro xỉ cho lò hơi đốt than, hệ thống lọc bụi tĩnh điện - ESP cho lò hơi đốt than, hệ thống khử lưu huỳnh trong khí thải, hệ thống xử lý dầu nhiên liệu nặng, hệ thống điều khiển và đo lường (C & I); tủ phân phối hạ thế; tủ phân phối trung thế; tủ điều khiển; hệ thống hòa đồng bộ; hệ thống thanh dẫn pha cách ly; hệ thống kích từ; hệ thống điều khiển tua bin và máy phát điện; hệ thống bảo vệ cho các thiết bị điện trong nhà máy điện, trạm biến áp, đường dây truyền tải.

❖ Lĩnh vực cơ điện tòa nhà:

Những sản phẩm và dịch vụ được cung cấp bởi Ban Kinh doanh bao gồm các hệ thống chuyên dụng cho tòa nhà như sau:

- Điều hòa thông gió.
- Hệ thống điện cho tòa nhà (trung thế, hạ thế,...).
- Hệ thống điều khiển và quản lý tòa nhà (Building Management System).
- Hệ thống chiếu sáng (Lighting System).
- Hệ thống an ninh và giám sát (Sercurities and Observation system).
- Hệ thống báo cháy và chữa cháy (Fire alarm and Firefighting).
- Hệ thống thông tin tòa nhà (Mạng, thoại, truyền hình, truyền thông, hạ tầng IT).
- Hệ thống âm thanh, báo hiệu, hệ thống quảng cáo indoor và outdoor.
- Hệ thống xử lý nước thải
- Smart Home cho căn hộ biệt thự, nhà riêng, pen-house.

Cơ cấu doanh thu thuần của Tổng công ty trong giai đoạn từ năm 2023 đến 6 tháng đầu năm 2025 cụ thể như sau:

Bảng 5: Cơ cấu Doanh thu thuần (Công ty mẹ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán hàng, lắp đặt	195.876	95,71%	111.796	93,32%	50.652	91,41%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.790	4,29%	8.006	6,68%	4.761	8,59%
Doanh thu thuần		204.666	100%	119.802	100%	55.413	100%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Giai đoạn 2023-2024, doanh thu thuần của Công ty có xu hướng giảm dần, doanh thu thuần năm 2024 chỉ đạt 119,80 tỷ đồng giảm 41,46% so với con số 204,67 tỷ đồng năm 2023, do sự giảm đáng kể của doanh thu bán hàng và lắp đặt. Doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2025 đạt 55,41 tỷ đồng bằng 46,25% so doanh thu thuần cả năm 2024.

Hoạt động bán hàng và xây lắp chiếm tỷ trọng chủ yếu trong doanh thu thuần của Tổng công ty các năm 2023 và 2024. Cụ thể, tỷ trọng doanh thu bán hàng và lắp đặt luôn chiếm trên 90% trong giai đoạn 2023 – 2024, còn lại là sự đóng góp của hoạt động cung cấp dịch vụ trong cơ cấu doanh thu thuần của Tổng công ty. Hàng năm, hoạt động cung cấp dịch vụ đóng góp khoảng 8-9 tỷ đồng doanh thu cho công ty. Có thể thấy, hoạt động bán hàng và xây lắp là hoạt động kinh doanh chính

của Tổng công ty trong các năm gần đây và kết quả hoạt động bán hàng và xây lắp ảnh hưởng lớn đến các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty. Tuy nhiên, doanh thu bán hàng và xây lắp trong năm 2024 sụt giảm mạnh so với năm 2023. Nguyên nhân là do cạnh tranh giữa các nhà thầu hiện nay ngày càng gay gắt. Trong khi đó, nguồn lực của Tổng công ty còn nhiều hạn chế, phụ thuộc vào đối tác và Tổng công ty gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các dự án đảm bảo hiệu quả và tính cần trọng trong sử dụng vốn. Hơn nữa, một số dự án đã được ký hợp đồng trước bị chậm tiến độ do chủ đầu tư gặp vướng mắc trong thủ tục giải phóng mặt bằng.

Bảng 6: Cơ cấu Doanh thu thuần (hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu bán thành phẩm	38.841	9,19%	15.908	5,37%	N/A	N/A
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	157.348	37,21%	137.597	46,41 %	N/A	N/A
3	Doanh thu bán hàng hóa và lắp đặt	196.504	46,47%	112.250	37,86 %	N/A	N/A
4	Doanh thu xây lắp	10.860	2,57%	11.632	3,92%	N/A	N/A
5	Doanh thu khác	19.312	4,57%	19.121	6,45%	N/A	N/A
Doanh thu thuần		422.865	100%	296.508	100%	161.408	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 của Tổng công ty, Doanh thu thuần năm 2024 có sự sụt giảm so với năm 2023. Cụ thể, năm 2024, doanh thu thuần đạt 296,51 tỷ đồng, bằng 70,12% so với tổng doanh thu thuần đạt được trong năm 2023. Trong 6 tháng đầu năm 2025, Doanh thu thuần của Tổng công ty đạt 161,41 tỷ đồng, bằng 54,44% so với tổng doanh thu thuần năm 2024.

Nhìn về cơ cấu doanh thu thuần trong các năm 2023 và 2024, doanh thu của Tổng công ty tập trung ở hai mảng hoạt động là hoạt động cung cấp dịch vụ và hoạt động bán hàng hóa và lắp đặt. Hai mảng hoạt động này luôn chiếm tỷ trọng từ 37% đến 46% trong cơ cấu tổng doanh thu thuần trong các năm 2023 và năm 2024. Ngoài ra, Tổng công ty còn có doanh thu trong các mảng hoạt động khác như hoạt động bán thành phẩm, hoạt động xây lắp và hoạt động khác. Tuy nhiên, tỷ trọng doanh thu từ các mảng hoạt động kể trên đóng góp không đáng kể vào tổng doanh thu thuần của Tổng công ty (chỉ ở mức từ 3% đến 9%).

5.2 Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh**Bảng 7: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh của Tổng công ty (Công ty mẹ)**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
1	Giá vốn hàng bán	194.033	94,80%	110.994	92,65%	50.359	90,88%
-	Giá vốn bán hàng, lắp đặt	191.909	93,77%	108.954	90,95%	49.497	89,32%
-	Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.124	1,04%	2.040	1,70%	862	1,56%
2	Chi phí tài chính	9.029	4,41%	22.083	18,43%	9.767	17,63%
3	Chi phí bán hàng	182	0,09%	291	0,24%	682	1,23%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.643	11,06%	23.195	19,36%	12.046	21,74%
5	Chi phí khác	30	0,01%	45	0,04%	123	0,22%
Tổng cộng		225.917	110,38%	156.608	130,72%	72.977	131,70%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Hoạt động trong lĩnh vực bán hàng, lắp đặt và cung cấp dịch vụ nên chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu chi phí hoạt động của Tổng công ty. Tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần các năm 2023 và năm 2024 ở khoảng từ 92% đến 94%. Đặc biệt là chi phí giá vốn bán hàng, lắp đặt (tương đương trên 90% doanh thu thuần). Ngoài ra, các chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng có cơ cấu tương đối trong cơ cấu chi phí hoạt động của Tổng công ty. Để so sánh với doanh thu thuần, các chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp tương đương từ 10% đến 20% so với doanh thu thuần. Tổng công ty cũng phát sinh chi phí bán hàng và các chi phí khác nhưng tỷ trọng không đáng kể.

Bảng 8: Cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh của Tổng công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
		Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
1	Giá vốn hàng bán	298.845	70,67%	191.253	64,50%	102.964	63,79%
-	Giá vốn cung cấp dịch vụ	52.303	12,37%	49.733	16,77%	N/A	N/A
-	Giá vốn thành phẩm đã bán	36.215	8,56%	15.601	5,26%	N/A	N/A
-	Giá vốn bán hàng hóa, lắp đặt	192.124	45,43%	109.049	36,78%	N/A	N/A
-	Giá vốn hoạt động xây lắp	10.629	2,51%	10.894	3,67%	N/A	N/A
-	Giá vốn khác	5.984	1,42%	5.069	1,71%	N/A	N/A
-	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.590	0,38%	907	0,31%	N/A	N/A

2	Chi phí tài chính	2.280	0,54%	723	0,24%	157	0,10%
3	Chi phí bán hàng	49.521	11,71%	38.599	13,02%	20.898	12,95%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	74.064	17,51%	74.913	25,27%	39.006	24,17%
5	Chi phí khác	424	0,10%	578	0,19%	2.479	1,54%
Tổng cộng		425.134	100,54%	306.066	103,22%	165.504	102,54%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, giá vốn hàng bán năm 2023 là 298,85 tỷ đồng tương đương 70,67% doanh thu thuần; năm 2024, giá vốn hàng bán là 191,25 tỷ đồng tương đương 64,50% doanh thu thuần. Có thể thấy, chi phí giá vốn hàng bán vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi phí hoạt động của Tổng công ty. Trong chi phí giá vốn hàng bán, các chi phí giá vốn bán hàng hóa, lắp đặt, giá vốn cung cấp dịch vụ đã bán chiếm tỷ trọng tương đối so với doanh thu thuần. Bên cạnh đó, các chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng có trọng số cao so với doanh thu thuần. Năm 2023, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp có giá trị tuyệt đối lần lượt là 49,52 tỷ đồng và 74,06 tỷ đồng, lần lượt tương ứng 11,71% và 17,51% so với doanh thu thuần. Còn năm 2024, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp có giá trị tuyệt đối lần lượt là 38,60 tỷ đồng và 74,91 tỷ đồng, lần lượt tương ứng 13,02% và 25,27% so với doanh thu thuần. Có thể thấy doanh thu thuần giảm, nhưng các chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng không giảm tương ứng.

Trong 06 tháng đầu năm 2025, Tổng chi phí của bằng 102,54% giá trị doanh thu thuần. Việc này tiếp tục ảnh hưởng đến lợi nhuận của Tổng công ty. Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp so với doanh thu thuần có xu hướng tăng trong 6 tháng đầu năm 2024, đặc biệt là giá vốn hàng bán.

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty năm 2023, năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025

Bảng 9: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh theo báo cáo tài chính riêng lẻ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm năm 2024 so với năm 2023	6 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	605.098	494.033	-18,35%	485.665
Vốn chủ sở hữu	453.648	426.339	-6,02%	414.425
Doanh thu thuần	204.666	119.802	-41,46%	55.413
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(8.791)	(27.847)		(11.904)
Lợi nhuận khác	(29)	539		(10)
Lợi nhuận trước thuế	(8.820)	(27.308)		(11.914)
Lợi nhuận sau thuế	(8.820)	(27.308)		(11.914)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%		0%

(%)				
-----	--	--	--	--

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng tài sản của Tổng công ty là 494,03 tỷ đồng, giảm 18,35% so với thời điểm 31/12/2023 (605,09 tỷ đồng). Việc suy giảm tổng tài sản chủ yếu là do việc các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại thời điểm cuối năm 2024 giảm gần 100 tỷ đồng so với cuối năm 2023, trong đó, phần lớn đến từ việc giảm phải thu với Trung tâm Kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp khu vực phía Nam, Ban quản lý dự án Điện 2 - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam, Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung và các khách hàng khác. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng tăng trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình.

Doanh thu thuần năm 2024 giảm so với năm 2023 do hoạt động bán hàng và xây lắp sụt giảm, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm tương ứng với doanh thu. Trong khi đó, các chi phí quản lý của Tổng công ty ở mức tương đương năm 2023, chi phí tài chính năm 2024 tăng cao do trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tăng. Dẫn đến lợi nhuận trong năm 2024 là -27,85 tỷ đồng, mức lỗ gấp 3 lần so với năm 2023.

Bảng 10: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm năm 2024 so với năm 2023	6 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	844.941	746.081	-11,70%	752.726
Vốn chủ sở hữu	561.498	550.717	-1,92%	547.981
Doanh thu thuần	422.865	296.508	-29,88%	161.408
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.405	1.299	-82,46%	3.058
Lợi nhuận khác	3.747	6.837	82,47%	2.007
Lợi nhuận trước thuế	11.152	8.136	-27,04%	5.065
Lợi nhuận sau thuế	3.557	333	-90,64%	757
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(5.296)	(6.274)		(3.037)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	8.853	6.606	-25,38%	3.794
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	0%	0%	-	0%
Lãi cơ bản trên cổ phần	(121)	(143)		(69)

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh theo BCTC hợp nhất ghi nhận Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm 2024 của Tổng công ty còn 746,08 tỷ đồng, giảm 11,70% so với cuối năm 2023 và

phần lớn đến từ việc giảm các khoản phải thu ngắn hạn từ một số khách hàng như đã trình bày ở phần chỉ tiêu hoạt động kinh doanh theo BCTC riêng lẻ.

Doanh thu hoạt động bán hàng và xây lắp giảm mạnh trong năm 2024 kéo theo sự sụt giảm của doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty. Lợi nhuận trước thuế theo BCTC hợp nhất năm 2024 là 8,14 tỷ đồng, giảm 27,04% so với năm 2023.

7. Danh sách hợp đồng đã và đang thực hiện của Tổng công ty

Bảng 11: Danh sách các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện từ năm 2023 đến nay

STT	Khách hàng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện
Hợp đồng đã thực hiện					
1.	Ban quản lý các công trình điện Miền Bắc – chi nhánh Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia	23.846	Cung cấp và vận chuyển cách điện, cáp quang và phụ kiện - Dự án: Đường dây 220kV trạm cắt Nậm Sum - Nông Cống	13/10/2022	06 tháng
2.	Ban quản lý các công trình điện Miền Trung	16.854	Cung cấp và vận chuyển vật tư thiết bị nhất thứ, cách điện, cáp quang và phụ kiện Lô 12.1 đường dây 220KV - Dự án: Mạch 2 đường dây 220kV Pleiku2 - Krong Buk	02/12/2022	06 tháng
3.	Ban quản lý các công trình điện Miền Trung	11.758	Cung cấp và vận chuyển cách điện, cáp quang và phụ kiện - Dự án: Đường dây 220kV Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Phước An)	03/12/2022	07 tháng
4.	Công ty TNHH kỹ thuật công nghệ Thăng Long Việt Nam	50.564	Cung cấp điều hòa không khí - Ecopark	22/09/2023	01 tuần
5.	Công ty cổ phần Góc nhìn mới	10.186	Cung cấp tủ điện và busway cho tòa nhà trụ sở cục A05 - Hà Nội	18/07/2023	05 tháng
6.	Công ty TNHH truyền thông năng lượng Thái Lê	18.976	Cung cấp vật tư thiết bị TBA 110kV Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.	19/10/2023	03 tháng
7.	Tổng công ty công nghệ viễn thông Toàn Cầu	5.810	Mua sắm và lắp đặt TBA 4000kVA của Tổng công ty GTEL tại trụ sở 103-105 Nguyễn Tuấn	14/11/2023	02 tháng
8.	Công ty cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	16.897	Thiết kế, cung cấp, lắp đặt điều hòa trung tâm cho nhà	25/10/2023	15 tháng

STT	Khách hàng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện
			máy cán thép HRC2. Thuộc dự án: Nhà máy cán thép HRC2 khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất.		
9.	Công ty cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	6.216	Thiết kế, cung cấp, lắp đặt hệ điều hòa trung tâm - Nhà máy luyện thép - Dự án Hòa Phát Dung Quất	06/11/2023	09 tháng
10.	Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung – chi nhánh Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia	25.243	Cung cấp và vận chuyển cách điện và phụ kiện từ VT201 đến VT261 thuộc dự án: Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu	17/02/2024	06 tháng
11.	Ban Quản lý dự án các công trình điện Miền Trung – chi nhánh Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia	31.794	Cung cấp và vận chuyển cách điện và phụ kiện từ VT82 đến VT138 thuộc dự án: Đường dây 500kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu	17/02/2024	06 tháng
12.	Viện Công Nghệ	9.693	Mua sắm tài sản cố định dùng cho chuyên môn của viện Công nghệ năm 2024	02/08/2024	05 tháng
Hợp đồng đang thực hiện					
1.	Công ty Điện lực Bình Dương	2.733	Mua sắm dây dẫn, cáp quang và phụ kiện cho nhu cầu xây dựng năm 2024	04/10/2024	12 tháng
2.	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH - Ban quản lý dự án Lưới điện Miền Nam	16.969	Mua sắm dây dẫn, cáp quang và phụ kiện cho nhu cầu đầu tư xây dựng năm 2024	10/10/2024	12 tháng
3.	Ban quản lý dự án Điện 1 – chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	34.698	Cung cấp vận chuyển cách điện và phụ kiện từ VT287 đến VT380, Dự án Đường dây 500kV Lào Cai – Vĩnh Yên	12/03/2025	04 tháng
4.	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh TNHH – Ban quản lý dự án lưới điện thành phố	61.977	Cung cấp vật tư thiết bị và thi công xây lắp toàn trạm (kể cả phòng cháy chữa cháy và bảo hiểm công trình cho chủ đầu tư) thuộc dự án: Cải tạo Trạm	09/09/2024	12 tháng

STT	Khách hàng	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)	Sản phẩm/ Dịch vụ	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện
	Hồ Chí Minh		biến áp 110kV Bình Triệu.		
5.	Công ty cổ phần thương mại dịch vụ kỹ thuật Chấn Hưng	48.763	Cung ứng VTTB gói thầu: Xây dựng ĐZ110kV xuất tuyến 3 (Đoạn từ G3.8 đến cuối tuyến) – Dự án: Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Dương Kinh	31/07/2025	4 tháng
6.	Công ty cổ phần Mediamart Việt Nam	178 triệu/tháng	Khai thác mặt bằng tại 29F Hai Bà Trưng, Hà Nội	Từ 2018	25 năm
7.	Công ty cổ phần tập đoàn Vạn thương Sài Gòn	115 triệu/tháng	Khai thác mặt bằng tại 197 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh	Từ 2018	10 năm
8.	Công ty cổ phần Công nghệ SMARTCOM	100 triệu/tháng	Khai thác mặt bằng 15 Trần Hưng Đạo, Hà Nội	Từ 2017	30 năm

(Nguồn: Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

8. Vị thế của Tổng công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Tổng công ty trong ngành

Tổng công ty là đơn vị hoạt động nhiều năm trong lĩnh vực sản xuất thiết bị điện tử - viễn thông đã tạo dựng được uy tín trên thị trường với các sản phẩm điện tử dân dụng như: đầu Karaoke, loa, amply, tủ cấp đông, nồi cơm điện,... với chất lượng có tính cạnh tranh trên thị trường. Một số thương hiệu như VTB, VITEK, BELCO luôn giữ được vị thế trên thị trường hàng điện tử dân dụng nội địa.

Bên cạnh đó, thông qua các công ty con, Tổng công ty đang hướng tới đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới thuộc lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin, thiết bị y tế và thiết bị điện, cơ điện tòa nhà như: các giải pháp công nghệ thông tin trong doanh nghiệp; thiết bị vệ sinh y tế, máy điện tim, máy theo dõi bệnh nhân; thiết bị xử lý môi trường y tế; hệ thống bãi đỗ xe tự động;... Các sản phẩm thuộc các lĩnh vực này đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn, thời gian nghiên cứu phát triển và nhân sự chất lượng cao. Tuy nhiên, sau khi phát triển và thương mại hóa thành công sẽ giúp Tổng công ty thực hiện mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin và thiết bị y tế của Việt Nam.

Tổng công ty hướng tới triển khai đồng bộ việc liên kết các doanh nghiệp có vốn góp trên cơ sở phát huy lợi thế để tạo ra chuỗi giá trị gia tăng. Đồng thời đi sâu nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới dựa trên lợi thế về công nghệ, thương hiệu và tài chính hiện có của Tổng công ty; xây dựng lộ trình để cung cấp các dịch vụ sản phẩm chuyên biệt có giá trị gia tăng cao và hiệu quả.

So với các doanh nghiệp trong ngành thì vị thế và quy mô của Tổng công ty chỉ thuộc nhóm trung bình và kết quả kinh doanh một vài năm gần đây không có sự phát triển.

Các sản phẩm của Tổng công ty chủ yếu là lắp ráp các thiết bị điện tử dân dụng bằng các linh kiện ngoại nhập, chiếm 80% giá thành sản phẩm. Tuy nhiên, các sản phẩm này khó cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại của các nước trong khu vực.

Với lợi thế nhiều năm kinh nghiệm và nằm trên địa bàn Hà Nội, nơi trung tâm chính trị, kinh tế năng động, cùng với sự quan tâm đầu tư hỗ trợ, ưu đãi của Nhà Nước cho lĩnh vực công nghiệp điện tử, triển vọng chung của Tổng công ty là có khả quan. Tổng công ty cần chủ động có các giải pháp khắc phục khó khăn, có biện pháp sử dụng vốn với cơ cấu hợp lý cho hoạt động kinh doanh hiệu quả

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Ngành công nghiệp điện tử tại Việt Nam có nhiều thuận lợi để phát triển khi Việt Nam có vị trí địa lý nằm trong khu vực có nền công nghiệp phát triển nhanh và năng động. Thêm vào đó là thị trường nội địa gần 100 triệu dân và khả năng tiếp cận trực tiếp với thị trường 600 triệu dân của khu vực ASEAN, thị trường xuất khẩu quốc tế rộng lớn nhờ tham gia vào các hiệp định thương mại tự do.

Ngoài ra, Việt Nam còn sở hữu nguồn lao động dồi dào và được đánh giá là học hỏi nhanh trong khai thác, sử dụng và lắp ráp các thiết bị điện tử, kể cả các thiết bị điện tử hiện đại. Chi phí nhân công lao động tương đối thấp tạo lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp so với các doanh nghiệp trong khu vực...

Việt Nam cũng là quốc gia có nguồn tài nguyên khoáng sản quan trọng cần thiết để phát triển công nghiệp vật liệu điện tử như: quặng sắt, đất hiếm, titan, rutin, barit, ilmenit... Điểm đặc biệt là Việt Nam là quốc gia có an ninh chính trị ổn định. Đây là yếu tố quan trọng bậc nhất với các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Điều này đã và đang tạo lòng tin cho các nhà đầu tư về một môi trường đầu tư an toàn.

Phát triển công nghiệp phụ trợ, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử tại Việt Nam vẫn còn thiếu và yếu. Đây cũng là lĩnh vực Chính phủ Việt Nam ưu tiên phát triển. Các dự án nghiên cứu phát triển đang được ưu đãi đặc biệt và có nhiều tiềm năng phát triển tại Việt Nam khi Việt Nam có đủ khả năng cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho lĩnh vực này. Hiện nay, Chính phủ Việt Nam đang tạo rất nhiều ưu đãi cho đầu tư vào công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao. Cụ thể, ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo, cùng nhiều chính sách ưu đãi khác. Việt Nam cũng đặc biệt ưu tiên cho các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

8.3. Triển vọng phát triển của Tổng công ty

Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam là đơn vị chuyên hoạt động trong lĩnh vực điện tử tin học. Nhận thức sâu sắc về vai trò và trách nhiệm của mình, Tổng công ty luôn nỗ lực để có thể tổ chức tốt việc sản xuất, kinh doanh các loại sản phẩm dịch vụ, quan tâm đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu của các khách hàng.

Với thương hiệu và uy tín được khẳng định trong quá trình hình thành và phát triển, Tổng công ty duy trì được mối quan hệ tốt với các đối tác, khách hàng, tạo ra nguồn thu tương đối ổn định cho Tổng công ty, đồng thời, nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty so với các doanh nghiệp trong cùng ngành.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Cơ cấu lao động Tổng công ty

Tại thời điểm 31/12/2024, tổng số cán bộ công nhân viên tại Tổng công ty là 71 người với cơ cấu cụ thể như sau:

Bảng 12: Cơ cấu lao động của Tổng công ty

STT	Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
I. Theo trình độ chuyên môn			
1	Trên đại học	7	9,86%
2	Đại học và cao đẳng	51	71,83%
3	Đối tượng khác	13	18,31%
Tổng cộng		71	100,00%
II. Theo giới tính			
1	Nam	45	63,38%
2	Nữ	26	36,62%
Tổng cộng		71	100,00%

(Nguồn: Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

Mức lương bình quân của Người lao động tại Tổng Công ty:

	Năm 2023	Năm 2024
Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	12,96	13,9

(Nguồn: Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

9.2. Chính sách đối với người lao động**❖ Chế độ làm việc**

- Thời gian làm việc: Thời gian làm việc bình thường không quá 8 giờ trong một ngày và không quá 40 giờ trong 1 tuần (từ thứ hai đến thứ sáu). Người lao động được nghỉ làm việc (ngày thứ Bảy và Chủ nhật). Do nhu cầu công việc, Người sử dụng lao động có thể huy động làm thêm vào ngày thứ bảy hoặc chủ nhật và được thanh toán tiền lương theo quy định của Bộ Luật lao động.
- Nghỉ phép năm: Người lao động được sử dụng thời gian nghỉ phép năm bắt đầu từ ngày 01/01 năm hiện tại và chấm dứt vào ngày 31/3 năm kế tiếp. Sau ngày này, Tổng công ty không giải quyết các trường hợp người lao động chưa nghỉ hết số ngày nghỉ phép của năm trước. Thời gian nghỉ phép tối thiểu cho một lần là nửa ngày.
- Nghỉ ốm, nghỉ thai sản: Số ngày được nghỉ hưởng theo chế độ áp dụng Luật Bảo hiểm xã hội hiện hành, mức trợ cấp trong thời gian nghỉ do Bảo hiểm xã hội chi trả và các quy định của Tổng công ty. Người sử dụng lao động có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động theo quy định pháp luật. Người sử dụng lao động có trách nhiệm chốt sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động chậm nhất 30 ngày kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng lao động.

Lao động nữ được nghỉ thai sản trước và sau khi sinh con là 06 tháng; thời gian nghỉ trước khi sinh không quá 02 tháng. Lao động nam khi vợ sinh con, người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi, lao động nữ mang thai hộ và người lao động là người mẹ nhờ mang thai hộ được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

- Điều kiện làm việc: Tổng công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên.

❖ Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- Tuyển dụng: Căn cứ vào nhu cầu thực tế, Tổng công ty xây dựng kế hoạch tuyển nhân sự phù hợp với yêu cầu công việc. Đối với nhân sự tập việc, thử việc, tiền lương hàng tháng bằng 85% mức lương của vị trí đảm nhận quy định tại Bảng lương vị trí nhưng không thấp hơn lương tối thiểu vùng.
- Đào tạo: Tổng công ty coi trọng công tác đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, văn hóa, ngoại ngữ, tin học cho người lao động nhằm phục vụ thiết thực có hiệu quả cao cho Tổng công ty. Trong chiến lược phát triển công ty, từng giai đoạn, vào thời điểm thích hợp, Tổng công ty sẽ đào tạo hoặc cử

người lao động đi đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ tay nghề cho phù hợp với yêu cầu công việc thực tế. Tổ chức cho người lao động làm công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật đi học tập kinh nghiệm ở các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Tổng công ty khuyến khích và tạo điều kiện cho người lao động tự học hỏi nâng cao, bồi dưỡng nghiệp vụ, trình độ chuyên môn để phục vụ công việc tốt hơn.

❖ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi**

- Chính sách lương: Người lao động được trả lương theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động và quy chế lương của Tổng công ty. Tổng công ty đảm bảo tiền lương trong mọi trường hợp không thấp hơn mức tiền lương tối thiểu theo quy định. Người lao động được nhận tiền lương tháng sau khi trừ các khoản phải nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đoàn phí công đoàn, thuế thu nhập cá nhân (tạm nộp nếu có) theo quy định hiện hành.
- Chính sách thưởng: Việc trích thưởng cho người lao động được thực hiện dựa trên cơ sở Quỹ khen thưởng phúc lợi của Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm. Các trường hợp khác do Tổng Giám đốc quyết định như: thưởng sáng kiến, thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể NLĐ đạt những thành tích xuất sắc,...). Người sử dụng lao động có trách nhiệm xây dựng quy chế khen thưởng quy định cụ thể về điều kiện, tiêu chuẩn xét thưởng cho người lao động.
- Chính sách phúc lợi: Người lao động được hưởng các phúc lợi trực tiếp cho người lao động nhân dịp các ngày lễ lớn như: Tết Nguyên đán, Tết Dương lịch, Ngày lễ Chiến thắng 30/04 và Ngày Quốc tế lao động, Kỷ niệm ngày Quốc Khánh 2/9, Kỷ niệm ngày Thành lập Tổng công ty, Quốc tế Phụ nữ 8/3 và 20/10.....Hàng năm người lao động được nghỉ dưỡng phục hồi sức khỏe do Tổng công ty đài thọ tùy thuộc vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

10. Chính sách cổ tức

Việc chi trả cổ tức của Tổng công ty theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật, với một số quy định chính yếu như sau:

- Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.
- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.
- Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- Trường hợp cổ tức của Tổng công ty được trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền

mà Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu nhận thông báo hoặc tài liệu khác
- Các quy định khác về chính sách chi trả cổ tức của Tổng công ty chi tiết theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật.

Trong các năm 2023, 2024, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua việc không chi trả cổ tức.

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND). Tổng công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

❖ Trích khấu hao TSCĐ

➤ Đối với Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian cụ thể như sau:

Bảng 13: Thời gian khấu hao Tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính riêng lẻ

STT	Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 40 năm
2	Máy móc và thiết bị	05 – 15 năm
3	Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
5	Tài sản cố định hữu hình khác	05 năm

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Bảng 14: Thời gian khấu hao Tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	08 - 50 năm
2	Máy móc và thiết bị	03 - 20 năm
3	Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
5	Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08 năm

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

➤ **Đối với Tài sản cố định vô hình:**

- Quyền sử dụng đất: Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không tính khấu hao.
- Phần mềm máy vi tính: Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

➤ **Đối với Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc trên đất và được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Theo đó, quyền sử dụng đất không tính khấu hao và thời gian hữu dụng ước tính của nhà cửa, vật kiến trúc là 25 năm.

❖ **Các khoản thuế phải nộp của Tổng công ty**

Bảng 15: Số dư Thuế và Các khoản phải nộp Nhà nước của Tổng công ty theo báo cáo tài chính riêng lẻ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Thuế giá trị gia tăng			
-	Số thực nộp trong kỳ	6.735	5.171	142
-	Số dư cuối kỳ	231	73	91
2	Thuế xuất nhập khẩu			

-	Số thực nộp trong kỳ	478	1.919	-
-	Số dư cuối kỳ	-	-	-
3	Thuế thu nhập cá nhân			
-	Số thực nộp trong kỳ	540	579	54
-	Số dư cuối kỳ	152	5	12
4	Thuế nhà đất, tiền thuê đất			
-	Số thực nộp trong kỳ	1.020	1.054	419
-	Số dư cuối kỳ	-	-	-
5	Các loại thuế khác			
-	Số thực nộp trong kỳ	1.136	-	-
-	Số dư cuối kỳ	-	-	-
6	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			
-	Số thực nộp trong kỳ	-	4	13
-	Số dư cuối kỳ	-	-	-
Tổng các khoản phải nộp				
Số thực nộp trong kỳ		9.908	8.727	628
Số dư cuối kỳ		383	78	103

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Bảng 16: Số dư Thuế và Các khoản phải nộp Nhà nước của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Thuế giá trị gia tăng			
-	Số thực nộp trong kỳ	18.461	15.961	6.964
-	Số dư cuối kỳ	1.869	1.243	2.692
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu			
-	Số thực nộp trong kỳ	1.160	0	0
-	Số dư cuối kỳ	0	0	0
3	Thuế xuất nhập khẩu			
-	Số thực nộp trong kỳ	721	2.169	162
-	Số dư cuối kỳ	0	0	0
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp			
-	Số thực nộp trong kỳ	2.226	3.325	2.117
-	Số dư cuối kỳ	903	1.046	1.169
5	Thuế thu nhập cá nhân			
-	Số thực nộp trong kỳ	1.488	1.457	486
-	Số dư cuối kỳ	220	78	87
6	Thuế nhà đất, tiền thuê đất			
-	Số thực nộp trong kỳ	33.268	36.332	14.745

-	Số dư cuối kỳ	125	125	5.685
7	Các loại thuế khác			
-	Số thực nộp trong kỳ	1.170	7	7
-	Số dư cuối kỳ	0	0	0
8	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			
-	Số thực nộp trong kỳ	9	341	348
-	Số dư cuối kỳ	0	0	0
Tổng các khoản phải nộp				
Số thực nộp trong kỳ		58.503	59.592	24.829
Số dư cuối kỳ		3.117	2.492	9.633

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Bảng 17: Số dư các quỹ của Tổng công ty theo báo cáo tài chính riêng lẻ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Quỹ đầu tư phát triển	38.680	38.680	38.680
2	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	-	-	-
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	7	7	7
Tổng cộng		38.687	38.687	38.687

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Bảng 18: Số dư các quỹ của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Quỹ đầu tư phát triển	54.492	53.235	53.235
2	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	27	27	27
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.345	2.017	2.571
Tổng cộng		56.864	55.279	55.833

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

❖ **Tình hình công nợ**

✓ **Các khoản phải thu**

Bảng 19: Các khoản phải thu của Tổng công ty theo báo cáo tài chính riêng lẻ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
----	--------------	------------	------------	------------

I	Phải thu ngắn hạn	211.549	130.020	124.247
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	187.149	88.609	83.755
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.746	24.765	23.372
3	Phải thu ngắn hạn khác	28.583	30.575	31.049
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.929)	(13.929)	(13.929)
II	Phải thu dài hạn	96	120	120
1	Phải thu dài hạn khác	96	120	120
Tổng cộng		211.645	130.120	124.367

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Bảng 20: Các khoản phải thu của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I	Phải thu ngắn hạn	278.290	187.801	192.465
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	241.821	139.119	142.935
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	24.667	37.880	35.280
3	Phải thu cho vay	7.900	12.100	11.600
4	Phải thu ngắn hạn khác	41.973	39.202	43.526
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(38.221)	(40.650)	(41.026)
6	Tài sản thiếu chờ xử lý	150	150	150
II	Phải thu dài hạn	18.327	18.351	18.351
1	Trả trước cho người bán dài hạn	18.215	18.215	18.215
2	Phải thu dài hạn khác	112	136	136
Tổng cộng		296.617	206.152	210.816

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

✓ **Các khoản nợ xấu:**

Bảng 21: Các khoản nợ xấu theo báo cáo tài chính riêng lẻ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	31/12/2023			31/12/2024			30/06/2025		
		Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu của khách hàng										
1	Công ty cổ phần Tập đoàn Điện tử Công nghiệp Việt Nam	1.162	(1.162)	-	1.162	(1.162)	-	1.162	(1.162)	-
2	Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Đô thị	2.654	(2.654)	-	2.654	(2.654)	-	2.654	(2.654)	-
3	Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800	(2.800)	-	2.800	(2.800)	-	2.800	(2.800)	-

Trả trước cho người bán										
4	Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	4.854	(4.854)	-	4.854	(4.854)	-	4.854	(4.854)	-
Phải thu khác										
5	Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	2.108	(2.108)	-	2.108	(2.108)	-	2.108	(2.108)	-
6	Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	231	(231)	-	231	(231)	-	231	(231)	-
7	Công ty cổ phần Điện tử Hải Phòng	120	(120)	-	120	(120)	-	120	(120)	-
Tổng cộng		13.929	(13.929)	-	13.929	(13.929)	-	13.929	(13.929)	-

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Bảng 22: Các khoản nợ xấu theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	31/12/2023			31/12/2024			30/06/2025		
		Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu của khách hàng		25.311	(21.073)	4.238	25.273	(22.343)	2.930	25.241	(22.719)	2.522
Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa		3.774	(3.774)	-	3.774	(3.774)	-	3.772	(3.772)	-
1	Công ty TNHH Kiến Quang	2.672	(2.672)	-	2.672	(2.672)	-	2.672	(2.672)	-
2	Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	668	(668)	-	668	(668)	-	668	(668)	-
3	Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	97	(97)	-	97	(97)	-	97	(97)	-
4	Công ty cổ phần TMDV Bình Minh	273	(273)	-	273	(273)	-	273	(273)	-
5	Ông/Bà Huỳnh Anh Hiệp	64	(64)	-	64	(64)	-	62	(62)	-
Công ty cổ phần Điện tử Biên Hòa		5.182	(4.855)	328	5.182	(4.986)	197	5.182	(4.986)	197
6	Công ty cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	3.249	(3.249)	-	3.249	(3.249)	-	3.249	(3.249)	-

7	Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ Bạch Việt	747	(747)	-	747	(747)	-	747	(747)	-
8	Các khách hàng khác	1186	(859)	328	1186	(990)	197	1186	(991)	197
Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức		6.185	(2.422)	3.763	6.185	(3.599)	2.586	6.185	(3.976)	2.209
9	Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	3923	(2.368)	1.555	3.923	(3.545)	378	3.923	(3.923)	-
10	Các khách hàng khác	2.262	(53)	2.208	2.262	(53)	2.208	2.262	(53)	2.209
Công ty cổ phần Công trình Viettronics		587	(587)	-	587	(587)	-	587	(587)	-
11	Công ty Liên doanh Golf Hà nội	485	(485)	-	485	(485)	-	485	(485)	-
12	Công ty Phát triển Công nghệ & Thương mại Đồng Đa	102	(102)	-	102	(102)	-	102	(102)	-
Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp		1.103	(1.103)	-	1.103	(1.103)	-	1.103	(1.103)	-
13	Công ty Điện tử Công nghiệp CDC	455	(455)	-	455	(455)	-	455	(455)	-
14	Công ty cổ phần Viettronics Đồng Đa	484	(484)	-	484	(484)	-	484	(484)	-
15	Các khách hàng khác	164	(164)	-	164	(164)	-	164	(164)	-
Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình		1.864	(1.717)	147	1.825	(1.678)	147	1.795	(1.678)	117
16	Công ty TNHH Thương mại – Xuất nhập khẩu Cường Nga	254	(107)	147	254	(107)	147	185	(68)	117
17	Các khách hàng khác	1.610	(1.610)	-	1.571	(1.571)	-	1.610	(1.610)	-
Văn phòng Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam		6.616	(6.616)	-	6.616	(6.616)	-	6.616	(6.616)	-
18	Công ty Điện tử Công nghiệp	1.162	(1.162)	-	1.162	(1.162)	-	1.162	(1.162)	-
19	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Phú Thọ	2.800	(2.800)	-	2.800	(2.800)	-	2.800	(2.800)	-

20	Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Phát triển Đô thị	2.654	(2.654)	-	2.654	(2.654)	-	2.654	(2.654)	-
Trả trước cho người bán		8.031	(6.457)	1.574	8.031	(7.179)	852	8.031	(7.179)	852
Văn phòng Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam		4.854	(4.854)	-	4.854	(4.854)	-	4.854	(4.854)	-
1	Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	4.854	(4.854)	-	4.854	(4.854)	-	4.854	(4.854)	-
Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức		2.677	(1.103)	1.574	2.677	(1.825)	852	2.677	(1.825)	852
2	Fosshan Runpeng Electronic Limited Company	1.804	(1.082)	722	1.804	(1.804)	-	1.804	(1.804)	-
3	Các khách hàng khác	873	(21)	852	873	(21)	852	873	(21)	852
Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp		500	(500)	-	500	(500)	-	500	(500)	-
4	Công ty TNHH Thương mại và Quảng cáo Nhì Hà	500	(500)	-	500	(500)	-	500	(500)	-
Các khoản Phải thu khác		11.196	(10.690)	506	12.071	(11.127)	943	11.953	(11.127)	825
Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa		6.719	(6.719)	-	6.719	(6.719)	-	6.719	(6.719)	-
1	Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	2.570	(2.570)	-	2.570	(2.570)	-	2.570	(2.570)	-
2	Công ty TNHH Kiến Quang	2.200	(2.200)	-	2.200	(2.200)	-	2.200	(2.200)	-
3	Công ty cổ phần Tập đoàn Tecco	1.949	(1.949)	-	1.949	(1.949)	-	1.949	(1.949)	-
Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp		1.580	(1.205)	375	1.580	(1.205)	375	1.580	(1.205)	375
4	Công ty cổ phần Viettronics Đồng Đa	1.508	(1.133)	375	1.508	(1.133)	375	1.508	(1.133)	375
5	Các khách hàng khác	72	(72)	-	72	(72)	-	72	(72)	-
Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình		437	(306)	131	412	(294)	118	294	(294)	-
6	Các khách hàng khác	437	(306)	131	412	(294)	118	294	(294)	-

Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức		-	-	-	900	(450)	450	900	(450)	450
7	Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	-	-	-	900	(450)	450	900	(450)	450
Văn phòng Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam		2.459	(2.459)	-	2.459	(2.459)	-	2.459	(2.459)	-
8	Công ty TNHH TMDV Ngân Thịnh	2.108	(2.108)	-	2.108	(2.108)	-	2.108	(2.108)	-
9	Công ty cổ phần Điện tử Hải Phòng	120	(120)	-	120	(120)	-	120	(120)	-
10	Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Phú Thọ	231	(231)	-	231	(231)	-	231	(231)	-
Tổng cộng		44.539	(38.221)	6.318	45.375	(40.650)	4.725	45.225	(41.026)	4.199

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

✓ **Các khoản phải trả**

Bảng 23: Các khoản phải trả của Tổng công ty theo báo cáo tài chính riêng lẻ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I	Nợ ngắn hạn	150.875	66.674	70.219
1	Phải trả người bán ngắn hạn	102.585	36.554	38.874
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.075	19.004	20.767
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	383	78	103
4	Phải trả người lao động	2.895	2.771	2.191
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	-	48	48
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	680	312	289
7	Các khoản phải trả khác	8.427	7.900	7.940
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	30.823	-	-
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7	7	7
II	Nợ dài hạn	575	1.020	1.020
1	Phải trả dài hạn khác	575	1.020	1.020
Tổng cộng		151.450	67.694	71.239

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Bảng 24: Các khoản phải trả của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
-----	-----------	------------	------------	------------

I	Nợ ngắn hạn	205.519	113.764	118.212
1	Phải trả người bán ngắn hạn	124.258	53.860	56.486
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.174	21.368	23.464
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.117	2.492	9.633
4	Phải trả người lao động	11.184	9.641	7.333
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	5.322	4.079	4.689
6	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	2.070	1.642	-
7	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	680	574	551
8	Các khoản phải trả khác	10.756	13.583	11.847
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	33.508	3.520	665
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	1.105	988	973
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.345	2.017	2.571
II	Nợ dài hạn	77.923	81.600	86.534
1	Chi phí phải trả dài hạn	15.552	12.962	14.941
2	Phải trả dài hạn khác	35.445	37.396	38.446
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.926	31.242	33.147
Tổng cộng		283.442	195.364	204.746

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

❖ **Hàng tồn kho**

Bảng 25: Hàng tồn kho của Tổng công ty theo báo cáo tài chính riêng lẻ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.249	19.309	19.349
2	Hàng hóa	54	54	54
Tổng cộng		19.303	19.363	19.403

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Bảng 26: Hàng tồn kho của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I	Hàng tồn kho	98.453	95.193	92.473
1	Nguyên liệu, vật liệu	9.645	9.380	34.550
2	Công cụ, dụng cụ	187	171	241
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	35.673	34.700	34.590
4	Thành phẩm	33.226	27.879	19.465
5	Hàng hóa	19.229	22.354	2.918
6	Hàng gửi bán	493	709	709

II	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.780)	(8.742)	(8.740)
Tổng cộng		91.673	86.451	83.733

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

❖ **Vốn chủ sở hữu:**

Bảng 27: Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty theo báo cáo tài chính riêng lẻ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
1	Vốn góp của chủ sở hữu	438.000	438.000	438.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	438.000	438.000	438.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	38.680	38.680	38.680
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(23.032)	(50.341)	(62.255)
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(14.212)	(23.032)	(50.341)
-	Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	(8.820)	(27.309)	(11.914)
Tổng cộng		453.648	426.339	414.425

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Bảng 28: Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I	Vốn chủ sở hữu	561.138	550.717	547.981
1	Vốn góp của chủ sở hữu	438.000	438.000	438.000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	438.000	438.000	438.000
2	Cổ phiếu quỹ	(13.065)	(13.065)	(13.065)
3	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(19.974)	(19.974)	(19.974)
4	Quỹ đầu tư phát triển	54.491	53.235	53.235
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	27	27	27
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(31.834)	(41.534)	(45.571)
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(24.459)	(35.260)	(42.534)
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	(7.375)	(6.274)	(3.037)
7	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	133.493	134.028	135.329
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	360	-	-
1	Nguồn kinh phí	360	-	-
Tổng cộng		561.498	550.717	547.981

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 29: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng công ty theo báo cáo tài chính riêng lẻ

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tổng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	2,02	3,24	3,10
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	1,89	2,95	2,82
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,25	0,14	0,15
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,33	0,16	0,17
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-4,31	-22,79	-21,50
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-1,93	-6,21	-2,83
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-1,48	-4,97	-2,43
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-4,30	-23,24	-21,48
+ Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	%	-2,01	-6,23	-2,72
+ Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần	%	0,00	0,00	0,00

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2023, BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024 và BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	lần	2,94	4,47	4,39

(Tổng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)				
+ Hệ số thanh toán nhanh:				
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	2,50	3,71	3,68
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,34	0,26	0,27
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	0,50	0,35	0,37
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,84	0,11	0,47
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,63	0,06	0,14
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,42	0,04	0,10
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,75	0,44	1,89
+ Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần	%	0,81	0,08	0,17
+ Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần	%	0,00	0,00	0,00

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 và BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Bảng 31: Danh sách thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, BKS và Kế toán trưởng

Bảng 51. Danh sách thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc,

STT	Họ và tên	Chức vụ	Được ủy quyền đại diện		Cá nhân nắm giữ	
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Hội đồng quản trị						
1	Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Đại diện phần vốn Nhà nước; số lượng cổ phần: 13.293.750	30,35%	0	0%
2	Nguyễn Văn Đông	Phó Chủ tịch	Đại diện phần	28,81%	0	0%

		HĐQT	vốn Nhà nước; số lượng cổ phần: 12.618.000			
3	Vũ Hải Vĩnh	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	Đại diện phần vốn Nhà nước; số lượng cổ phần: 12.618.000	28,81%	0	0%
4	Phạm Nguyên Anh	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	0	0%	200	0,00046 %
5	Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT	0	0%	0	0%
Ban kiểm soát						
1	Vũ Hoài Anh	Trưởng BKS	0	0%	1.000	0,02%
2	Nguyễn Văn Chính	Thành viên BKS	0	0%	0	0%
3	Phạm Trung Hoàng	Thành viên BKS	0	0%	0	0%
Ban Tổng Giám đốc						
1	Vũ Hải Vĩnh	Tổng Giám đốc	<i>Như đã trình bày ở phần Hội đồng quản trị</i>			
2	Phạm Nguyên Anh	Phó Tổng Giám đốc	<i>Như đã trình bày ở phần Hội đồng quản trị</i>			
3	Giáp Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	0	0%	0	0%
4	Văn Viết Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	0	0%	0	0%
Phụ trách Kế toán						
1	Vũ Văn Tuấn	Phụ trách Kế toán	0	0%	0	0%

(Nguồn: Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

13. Tài sản❖ **Danh mục tài sản tại thời điểm ngày 31/12/2024**

Bảng 32: Danh mục tài sản cố định của Tổng công ty tại ngày 31/12/2024 theo báo cáo tài chính riêng lẻ

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	58.853	26.591	45,18%
1	Nhà xưởng và vật kiến trúc	51.004	26.435	51,83%
2	Máy móc, thiết bị	968	73	7,54%
3	Phương tiện vận tải	6.322	0	0,00%
4	Thiết bị văn phòng	469	0	0,00%
5	Tài sản cố định hữu hình khác	90	83	92,22%
II	Tài sản cố định vô hình	18.109	17.769	98,12%
1	Quyền sử dụng đất	17.769	17.769	100,00%
2	Phần mềm máy vi tính	340	0	0,00%
Tổng cộng		76.962	44.360	57,64%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024)

Bảng 33: Danh mục tài sản cố định của Tổng công ty tại ngày 31/12/2024 theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	237.469	78.943	33,24%
1	Nhà xưởng và vật kiến trúc	164.516	66.151	40,21%
2	Máy móc, thiết bị	51.636	10.587	20,50%
3	Phương tiện vận tải	19.819	1.746	8,81%
4	Thiết bị văn phòng	923	17	1,84%
5	Tài sản cố định hữu hình khác	575	442	76,87%
II	Tài sản cố định vô hình	46.104	34.735	75,34%
1	Quyền sử dụng đất	43.965	34.608	78,72%
2	Phần mềm máy vi tính	1.943	127	6,54%
3	TSCĐ vô hình khác	196	0	0,00%

Tổng cộng	283.573	113.678	40,09%
------------------	----------------	----------------	---------------

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024)

❖ **Danh mục tài sản tại thời điểm ngày 30/06/2025****Bảng 34: Danh mục tài sản cố định của Tổng công ty tại ngày 30/06/2025 theo báo cáo tài chính riêng lẻ**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	58.902	26.076	44,27%
1	Nhà xưởng và vật kiến trúc	51.004	25.947	50,87%
2	Máy móc, thiết bị	968	9	0,93%
3	Phương tiện vận tải	6.322	0	0,00%
4	Thiết bị văn phòng	518	46	8,88%
5	Tài sản cố định hữu hình khác	90	74	82,22%
II	Tài sản cố định vô hình	18.109	17.769	98,12%
1	Quyền sử dụng đất	17.769	17.769	100,00%
2	Phần mềm máy vi tính	340	0	0,00%
Tổng cộng		77.011	43.845	56,93%

(Nguồn: BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

Bảng 35: Danh mục tài sản cố định của Tổng công ty tại ngày 30/06/2025 theo báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/Nguyên giá
I	Tài sản cố định hữu hình	236.188	75.449	31,94%
1	Nhà xưởng và vật kiến trúc	164.516	63.831	38,80%
2	Máy móc, thiết bị	51.767	9.625	18,59%
3	Phương tiện vận tải	19.330	1.591	8,23%
4	Tài sản cố định hữu hình khác	575	402	69,91%
II	Tài sản cố định vô hình	46.104	34.410	74,64%
1	Quyền sử dụng đất	43.965	34.303	78,02%
2	Phần mềm máy vi tính	1.943	107	5,51%

3	TSCĐ vô hình khác	196	0	0,00%
Tổng cộng		282.292	109.859	38,92%

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025)

14. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổng công ty

❖ Báo cáo tài chính riêng lẻ đã kiểm toán năm 2023

Trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 470/2024/UHY-BCKT ngày 30/03/2024, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2023, Khoản công nợ phải thu khách hàng Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Phúc quá thời hạn thanh toán với giá trị 22.376.666.534 đồng. Ban Điều hành Tổng công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản phải thu ngắn hạn trên. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng chưa thể đánh giá được khả năng thu hồi của khoản nợ phải thu khách hàng này. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được các tổn thất (nếu có) cũng như các điều chỉnh cần thiết đối với các tổn thất này đến Báo cáo tài chính của Tổng công ty tại ngày 31/12/2023.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Văn phòng Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

❖ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 471/2024/UHY-BCKT ngày 30/03/2024, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2023, Khoản công nợ phải thu khách hàng Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Phúc quá thời hạn thanh toán với giá trị 22.376.666.534 đồng. Ban Điều hành Tổng công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản phải thu ngắn hạn trên. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng chưa thể đánh giá được khả năng thu hồi của khoản nợ phải thu khách hàng này. Do đó, chúng tôi chưa thể xác định được các tổn thất (nếu có) cũng như các điều chỉnh cần thiết đối với các tổn thất này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31/12/2023.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức đã được kiểm toán với "Ý kiến kiểm toán ngoại trừ" từ các vấn đề sau:

- Kiểm toán viên chưa thu thập được đủ các biên bản đối chiếu công nợ liên quan khoản công nợ Trả trước cho người bán ngắn hạn (Mã số 132) trên Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2023 với giá trị chưa được đối chiếu là 7.145.249.631 đồng, các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đánh giá về số dư các khoản công nợ chưa được đối chiếu cũng như khả năng thu hồi đối với các khoản công nợ này.
- Tại thời điểm 31/12/2023, khoản chi vượt quá Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty với giá trị 1.295.679.244 đồng đang được phản ánh trên chỉ tiêu: Phải thu ngắn hạn khác (Mã số 136).
- Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính với giá trị 15.470.093.136 đồng. Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa thực hiện lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là 13.630.819.280 đồng tại ngày 31/12/2023 theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Nếu Ban Tổng giám đốc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng này thì khoản mục chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay tăng thêm là 8.967.098.623 đồng, đồng thời giá trị của khoản Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 phải tăng lên tương ứng, và chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phải giảm đi là 8.967.098.623 đồng.
- Tại ngày 31/12/2023, Công ty còn tồn kho một số mặt hàng chậm luân chuyển với tổng giá trị tồn là 20.538.043.210 đồng. Kiểm toán viên không thu thập được các bằng chứng cần thiết liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc trong việc tin tưởng rằng sẽ không có sự sụt giảm giá trị hàng tồn kho trong tương lai. Theo đó, chúng tôi không đưa ý kiến về giá trị thuần của các hàng tồn kho chậm luân chuyển này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.
- Công ty trích thiếu khấu hao lũy kế của một số tài sản cố định tới ngày 31/12/2023 với tổng số tiền là 5.363.966.266 đồng. Nguyên nhân của việc dừng khấu hao là do sau khi được điều chuyển từ Công ty TNHH Công nghệ Led Ánh Sáng Mới trong năm 2015, các tài sản này đều vận hành chưa hiệu quả.

Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến đánh giá các vấn đề trên và ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức 1 được trình bày theo giá gốc do Tổng công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp đã được kiểm toán với "Ý kiến kiểm toán ngoại trừ" do Công ty chưa đánh giá giá trị cần trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi. Do đó, Kiểm toán viên không thể xác định được ảnh hưởng đến số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính Công ty liên kết là Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam chưa được kiểm toán. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán số liệu của Công ty này, các thủ tục kiểm toán thay thế không thực hiện được. Do đó, Kiểm toán không thể xác định được ảnh hưởng đến số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.”

❖ Báo cáo tài chính riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024

Trong Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 180/2025/BCKT-CPA VIETNAM-NV2 ngày 24/03/2025, Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2024, Tổng công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán với giá gốc 43,6 tỷ VND. Với những tài liệu Tổng công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể ước tính được số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập (nếu có). Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 31/12/2024, Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công trình “Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thải tro xỉ Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2” số tiền 2.691.835.668 VND. Với những tài liệu Tổng công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể ước tính được số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập (nếu có).

Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác:

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 30 tháng 3 năm 2024 có dạng ý kiến ngoại trừ về việc “Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với khoản phải thu khách hàng Công ty TNHH Đầu tư thương mại và xuất nhập khẩu Khang Phúc với giá trị 22.376.666.534 đồng”. Vấn đề này vẫn còn ảnh hưởng đến báo cáo năm nay.”

❖ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2024

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 216/2025/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2 ngày 28/03/2025, Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ như sau:

“Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2024, Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công trình “Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thải tro xỉ Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2” số tiền 2.691.835.668 VND. Với những tài liệu Tổng công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể ước tính được số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập (nếu có). Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 31/12/2024, Tổng công ty và các Công ty con của Tổng công ty chưa đánh giá giá trị cần trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi với tổng số tiền khoảng 63,6 tỷ VND (tại Tổng công ty là 43,6 tỷ VND, Công ty cổ phần Công trình Viettronics là 2,2 tỷ VND, tại Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp là 4,5 tỷ VND, Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức là 13,3 tỷ VND). Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cho phép chúng tôi ước tính được số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập, cũng như xác định ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản đầu tư vào Công ty liên kết “Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức 1” được trình bày theo giá gốc do chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Báo cáo tài chính Công ty liên kết “Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 chưa được kiểm toán.

Tại Công ty con của Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức, Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với Ý kiến ngoại trừ các vấn đề sau:

- Tại ngày 31/12/2024, Công ty tồn kho một số mặt hàng lỗi thời và chậm luân chuyển với tổng giá trị là 18.638.821.840 VND. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Chúng tôi không thu thập được bằng chứng cần thiết liên quan đến việc đánh giá của Ban Tổng giám đốc về việc sẽ không có sự sụt giảm giá trị của các mặt hàng trên cũng như giá trị thuần có thể thực hiện được. Vì thế, Chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị thuần có thể thực hiện được của các mặt hàng lỗi thời, chậm luân chuyển này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 của Công ty.

- Năm 2024 là năm đầu tiên Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán cho Công ty, bằng các thủ tục kiểm toán, Chúng tôi không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến số dư đầu kỳ của các khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước” nên không đưa ra ý kiến về khoản mục này.
- Công ty chưa thực hiện trích khấu hao của những tài sản ngừng hoạt động đến ngày 31/12/2024 với tổng số tiền là 4.578.995.578 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 30 tháng 3 năm 2024 có dạng ý kiến ngoại trừ về các vấn đề sau:

- Tổng công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với khoản nợ phải thu khách hàng “Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Phúc” quá hạn với giá trị 22.376.666.534 đồng.
- Khoản đầu tư vào “Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức 1” được trình bày theo giá gốc do Tổng công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính.
- Tại Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp, Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi.
- Báo cáo tài chính Công ty liên kết “Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam” cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 chưa được kiểm toán.
- Báo cáo “Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức” đã được kiểm toán với Ý kiến ngoại trừ các vấn đề sau:
 - + Kiểm toán viên chưa thu thập được các biên bản đối chiếu công nợ liên quan đến công nợ Trả trước người bán ngắn hạn số tiền 7.145.249.631 đồng, các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại bằng chứng kiểm toán cần thiết để đánh giá về số dư các khoản công nợ chưa đối chiếu cũng như khả năng thu hồi đối với các khoản công nợ này.
 - + Khoản chi vượt quá Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty với giá trị 1.295.679.244 đồng đang được phản ánh trên chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác. Vấn đề này đã được xử lý trong năm và không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2024.
 - + Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với các khoản phải thu khách hàng số tiền 13.630.819.820 đồng. Nếu Ban Tổng giám đốc trích lập dự phòng phải thu khó đòi với khoản phải thu khách hàng này thì chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết

quả hoạt động kinh doanh năm nay tăng thêm là 8.967.098.623 đồng, đồng thời giá trị khoản Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trên Bảng Cân đối kế toán tăng lên tương ứng và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm đi tương ứng.

- + Kiểm toán viên chưa thu thập được bằng chứng liên quan đến đánh giá của Ban Tổng giám đốc trong việc tin tưởng rằng sẽ không có sự sụt giảm giá trị hàng tồn kho trong tương lai và không đưa ra ý kiến về giá trị thuần của một số mặt hàng chậm luân chuyển với tổng giá trị tồn là 20.538.043.210 đồng.
- + Công ty trích thiếu khấu hao lũy kế một số tài sản cố định đến ngày 31/12/2023 số tiền 5.363.966.266 đồng

Các vấn đề ngoại trừ còn lại nêu trên vẫn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.”

❖ BCTC riêng lẻ đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025

Trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tại Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 379/2025/BCSX-CPA VIETNAM-NV2 ngày 27/08/2025, Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam đã đưa ra kết luận ngoại trừ như sau:

“Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/06/2025, Tổng công ty chưa xem xét việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán với giá gốc 43,3 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 43,6 tỷ VND). Với những tài liệu Tổng công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể ước tính được số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập (nếu có). Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 30/06/2025, Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công trình “Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thải tro xỉ Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2” số tiền 2,69 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 2,69 tỷ VND). Với những tài liệu Tổng công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể ước tính được số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập (nếu có). Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Kết luận ngoại trừ:

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.”

Vấn đề khác:

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 đã được kiểm toán viên khác soát xét, kiểm toán viên này đưa ra Báo cáo soát xét vào ngày 29/08/2024 có dạng kết luận ngoại trừ về việc:

- Tổng công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các công nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán số tiền 47,2 tỷ đồng

- Tổng công ty chưa đánh giá lãi/lỗ tiềm tàng của công trình “Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thái tro xỉ Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2” để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Các vấn đề ngoại trừ nêu trên vẫn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.”

❖ **BCTC hợp nhất đã soát xét 6 tháng đầu năm 2025**

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, tại Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 380/2025/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV2 ngày 27/08/2025, Công ty TNHH Kiểm toán CPA Vietnam đã đưa ra kết luận ngoại trừ như sau:

“Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/06/2025, Tổng công ty và các Công ty con của Tổng công ty chưa đánh giá giá trị cần trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi với tổng số tiền khoảng 50 tỷ VND. Với các tài liệu Tổng công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể ước tính được số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập (nếu có). Theo đó chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 30/06/2025, Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công trình “Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành hệ thống thái tro xỉ Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2” số tiền 2,69 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 2,69 tỷ VND). Với những tài liệu Tổng công ty cung cấp, chúng tôi chưa thể ước tính được số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập (nếu có). Theo đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.14 – Đầu tư tài chính dài hạn, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, khoản đầu tư vào Công ty liên kết “Công ty cổ phần Viettronics Vĩnh Phúc” đánh giá theo giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2025. Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết “Công ty cổ phần Máy tính và Truyền thông”, “Công ty cổ phần Viettronimex”, “Công ty cổ phần Cơ khí điện tử Phú Thọ Hòa”, “Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam”, “Công ty TNHH DM Vina” do không thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/06/2025, Tổng công ty đánh giá theo giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính của các Công ty này tại ngày 31/12/2024.

Tại Công ty con là “Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức” Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 chưa được soát xét. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ do Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng các khoản công nợ phải thu quá hạn số tiền 13,34 tỷ VND; chưa thực hiện trích lập dự phòng tồn kho một số mặt hàng lỗi thời và chậm luân chuyển tổng giá trị là 18,63 tỷ VND; không đưa ra ý kiến về số dư đầu kỳ khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước”, chưa thực hiện trích khấu hao cho một số tài sản cố định ngừng hoạt động đến ngày 31/12/2024

là 4,57 tỷ VND. Do đó Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 của Tổng công ty.

Kết luận ngoại trừ:

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 30/06/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh:

Như trình bày tại Thuyết minh số 7.3 – Thông tin so sánh, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng công ty đã quyết định trình bày lại một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 do trình bày lại một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 của Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này

Vấn đề khác:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 đã được kiểm toán viên khác soát xét; kiểm toán viên này đưa ra Báo cáo soát xét vào ngày 29 tháng 08 năm 2024 có dạng kết luận ngoại trừ về các vấn đề sau:

- Tổng công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với khoản nợ phải thu khách hàng đã quá hạn là 47,2 tỷ VND.
- Tổng công ty chưa thực hiện đánh giá lãi/lỗ tiềm tàng của Công trình “Thiết kế, cung cấp vật tư thiết bị, vận chuyển đến công trường, lắp đặt, kiểm tra thử nghiệm, bàn giao và bảo hành Hệ thống thải tro xỉ Dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2” với chi phí sản xuất dở dang số tiền 2,69 tỷ VND.
- Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 của “Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức” chưa được soát xét. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ do Công ty chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận cho các khoản công nợ, chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá một số hàng tồn kho chậm luân chuyển, chưa thực hiện khấu hao cho một số tài sản cố định và phân bổ công cụ dụng cụ được chuyển về từ Công ty TNHH Công nghệ LED Ánh sáng mới trong kỳ 2015.
- Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 của “Công ty cổ phần Viettronics Công nghiệp” chưa được soát xét. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán với ý kiến kiểm toán ngoại trừ do Công ty chưa thực hiện đánh giá giá trị trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi.

- Tổng công ty chỉ thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của "Công ty TNHH DM Vina", do đó khoản đầu tư vào Công ty liên kết "Công ty TNHH DM Vina" đánh giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2024. Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết khác, do không thu thập được Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024, Tổng công ty đánh giá theo giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính của các Công ty này tại ngày 31/12/2023.
- Khoản đầu tư vào "Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức 1" được trình bày theo giá gốc do Tổng công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính.

Các vấn đề ngoại trừ nêu trên vẫn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025."

15. Tình hình quản lý và sử dụng nhà, đất

❖ Tổng quan về tình hình quản lý và sử dụng đất đai Tổng công ty

Thông tin về tình hình quản lý và sử dụng nhà, đất của Tổng công ty được căn cứ theo các hồ sơ và thông tin về đất đai mà Tổng công ty cung cấp, cụ thể như sau:

Bảng 36: Tình hình quản lý và sử dụng nhà, đất của Tổng công ty

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Giao/mua/thuê	Hiện trạng sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.	- Diện tích theo thông báo nộp tiền thuê đất: 544,89 m² - Diện tích đất theo công văn 11165/BTC-QLCS: 527 m²	Đất thuê trả tiền hàng năm theo thông báo của cơ quan thuế	- Văn phòng, khai thác mặt bằng kinh doanh (trụ sở văn phòng, cửa hàng kinh doanh). - Hiện nay, Tổng công ty được tạm giao sử dụng theo công văn 11165/BTC-QLCS. - Tổng công ty được giao diện tích nhà tầng 1, tầng 2 tòa nhà 3 tầng tại địa chỉ 15 Trần Hưng Đạo và 1 phần tầng 1 có địa chỉ giáp ranh cơ sở nhà đất 13 Phan Huy Chú, tầng 3 tòa nhà 15 Trần Hưng Đạo thuộc quyền quản lý, sử dụng của các hộ dân có lối đi chung từ 13 Phan Huy Chú. Cơ sở đất 13 Phan Huy Chú hiện đã được phê duyệt sắp xếp để xây dựng Trường tiểu học theo dự án của thành phố Hà Nội giao quận Hoàn Kiếm làm chủ đầu tư, trong đó, một phần diện tích chồng lấn thuộc cơ sở nhà đất 15 Trần Hưng Đạo sẽ phải bàn giao lại cho cơ sở nhà đất 13 Phan Huy Chú.	- Công văn số 954/ND ngày 25/08/1992 của Sở Nhà đất thành phố Hà Nội. - Công văn số 11165/BTC-QLCS ngày 23/09/2019 của Bộ Tài chính V/v sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất số 15 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. - Chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng thuê đất. Hiện nay, Tổng công ty đang nộp tiền thuê đất hàng năm. - Thông báo nộp tiền số 002024 HKI0394-HN/TB-CCT-TBTK ngày 25/04/2024 của chi cục thuế Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội về việc tiền thuê đất, thuê mặt nước theo hình thức nộp tiền hàng năm. - Hợp đồng hợp tác kinh doanh số

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Giao/mua/thuê	Hiện trạng sử dụng	Hồ sơ pháp lý
					219/2017/HĐHTĐT ngày 11/07/2017, Phụ lục hợp đồng số 03 ngày 03/03/2020 ký giữa Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam và Công ty cổ phần Công nghệ Smartcom hợp tác kinh doanh khai thác lợi thế khu nhà đất tại số 15 Trần Hưng Đạo, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
2	29F Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	288 m ²	Đất được giao	- Hợp tác với đối tác để khai thác kinh doanh. - Hiện trạng là công trình nhà 8 tầng do đối tác đầu tư, cải tạo từ tòa nhà 03 tầng cũ của Tổng công ty xây dựng trước đó.	- Giấy sử dụng đất số 2196 UBXDCB ngày 21/05/1986 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp cho Tổng Cục điện tử và Kỹ thuật tin học; - Hiện nay, cơ sở nhà đất này đang được Tổng công ty hoàn thiện hồ sơ pháp lý và chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. - Tổng công ty đã ký hợp đồng khai thác mặt bằng với Công ty cổ phần Mediamart Việt Nam (thời hạn đến 2043).
3	Số 16 đường Cát Bi, Phường Hải An, Thành phố Hải Phòng	9.046 m ²	Đất được giao	- Xây dựng Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics.	- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 537/QSĐĐ ngày 07/05/2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng cấp cho

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Giao/mua/thuê	Hiện trạng sử dụng	Hồ sơ pháp lý
	Đất phục vụ giáo dục	7.766 m ²		Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	Tổng Công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.
	Đất hành lang bảo vệ đê	1.280 m ²		Không được xây dựng công trình	
4	Sàn văn phòng tại Tầng 11, tòa MIPEC TOWER, 229 Tây Sơn, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội	Diện tích mặt sàn tầng 11: 1.233,8 m ²	Mua quyền sử dụng văn phòng	- Làm trụ sở văn phòng.	- Hợp đồng chuyển nhượng văn phòng số 86/HĐKT-MIPEC ngày 07/09/2009 giữa Công ty cổ phần Hóa dầu Quân Đội và Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Thiên Phú; - Văn bản chuyển nhượng hợp đồng chuyển nhượng văn phòng ngày 06/08/2014 giữa Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Thiên Phú và Viettronics, số CC: 346, quyền số 06/2014/VBCN. - Xác nhận của Công ty cổ phần Hóa dầu Quân đội ngày 22/08/2014 về việc chuyển nhượng Hợp đồng chuyển nhượng văn phòng số 86/HĐKT-MIPEC ngày 07/09/2009 giữa Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Thiên Phú và Tổng công ty cổ

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Giao/mua/thuê	Hiện trạng sử dụng	Hồ sơ pháp lý
					phần Điện tử và Tin học Việt Nam. - Thời hạn sử dụng văn phòng đến tháng 10/2057 (Theo Hợp đồng thuê đất giữa Công ty cổ phần Hóa dầu Quân đội - Chủ đầu tư Toà nhà Mipec Tower với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội). - Chưa có Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản.
5	Số 197 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh	425,52 m ²	- Nhận chuyển nhượng từ cá nhân (được Thành phố hóa giá nhà), đã xác định giá trị quyền sử dụng nhà đất trong giá trị cổ phần hóa của Tổng công ty khi chuyển sang công ty cổ phần. - Hình thức sử dụng đất: Đang quản lý và sử dụng. Đang hoàn thiện hồ sơ pháp lý.	- Địa điểm trưng bày sản phẩm, khai thác kinh doanh (trụ sở văn phòng, cửa hàng kinh doanh). - Hiện nay, Tổng công ty đã ký hợp đồng khai thác mặt bằng với công ty cổ phần Vạn thương Sài Gòn, thời hạn hợp đồng đến năm 2028.	- Giấy phép mua bán, chuyển dịch nhà số 5105/GP-MB7 ngày 14/09/1991 của Sở Nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh; - Công văn số 4749/UB-ĐTMT ngày 26/7/2008 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về xử lý mặt bằng số 197 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1; - Chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Nguồn: Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

❖ Tình hình đất đai của các đơn vị thành viên Tổng công ty có vốn góp

Bảng 37: Tình hình đất đai của các đơn vị thành viên Tổng công ty có vốn góp:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ doanh nghiệp	Tình hình sử dụng đất đai các đơn vị			
			Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hiện trạng, đất thuê/ giao	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc khu đất
Tình hình đất đai của các đơn vị thành viên Viettronics có vốn góp chi phối						
1	Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình (mã chứng khoán VTB)	Số 248A đường Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.	23.409,2 m ² , trong đó: - 23.219,6 m ² không thuộc phạm vi lộ giới với 4.139,3 m ² đất thương mại dịch vụ (sử dụng làm văn phòng) và 19.080,3 m ² đất sản xuất kinh doanh không phải đất thương mại dịch vụ (sử dụng làm kho và xưởng sản xuất điện tử) - 189,6 m ² thuộc phạm vi lộ giới, là đất sản xuất kinh doanh không phải đất thương mại dịch vụ (sử dụng làm kho và xưởng sản xuất điện tử)	Số 248A đường Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.	- Sử dụng làm văn phòng công ty, xưởng sản xuất, cho thuê. - Thời hạn thuê/sử dụng đất đến 31/12/2017.	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP635823 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/08/2014; - Hợp đồng thuê đất số 7708/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 18/09/2007 giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Điện tử Tân Bình; - Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 2737/PLHĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 13/05/2013 giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình. - Hiện nay, hợp đồng đã hết hạn, VTB đang làm thủ tục gia hạn thời gian thuê nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
			6.224,5 m ² , trong đó: - 5.994,9 m ² không	Số 06 đường Phạm Văn Hai,	- Văn phòng và nhà trưng bày sản phẩm,	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK387442 do Ủy ban Nhân dân Thành

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ doanh nghiệp	Tình hình sử dụng đất đai các đơn vị			
			Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hiện trạng, đất thuê/ giao	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc khu đất
			thuộc phạm vi lộ giới với 382,2 m ² đất thương mại dịch vụ (sử dụng làm văn phòng và nhà trưng bày sản phẩm) và 5.612,7 m ² đất sản xuất kinh doanh không phải đất thương mại dịch vụ (sử dụng làm nhà xưởng) - 229,6 m ² đất thuộc phạm vi lộ giới, là đất sản xuất kinh doanh không phải đất thương mại dịch vụ (sử dụng làm nhà xưởng)	Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	nhà xưởng, kho bãi. - Hợp đồng thuê đất hiện đã hết hạn, VTB đang làm hồ sơ xin gia hạn thời gian thuê nhưng đến nay chưa được gia hạn.	phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/2007; - Hợp đồng thuê đất số 7815/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 20/09/2007 giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Điện tử Tân Bình; - Phụ lục Hợp đồng số 10554/PLHĐ-TNMT-QLSDD ngày 29/12/2015 giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình.
			12.300 m ²	Lô B58/II – B59/II, đường số 2E, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh	- Đất khu công nghiệp. - Đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê đến hết ngày 30/08/2053	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK383997 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/05/2008; - Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do Ban Quản lý các Khu chế xuất và Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23/09/2009; - Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 62/HĐ-TQSDD-2008 ngày 23/01/2008

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ doanh nghiệp	Tình hình sử dụng đất đai các đơn vị			
			Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hiện trạng, đất thuê/ giao	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc khu đất
						giữa Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc và Công ty cổ phần Điện tử Tân Bình.
			15.142,4 m ²	Lô B5, Đường D1, Khu Công nghiệp Cát Lái 2, Phường Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh.	- Xây dựng nhà xưởng, văn phòng. - Hiện đang chờ Khu công nghiệp Cát Lái hoàn chỉnh các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	- Hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-PTN-KCN ngày 13/10/2005 giữa Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2 - Khu công nghiệp Cát Lái -2 và Công ty cổ phần Điện tử Tân Bình; - Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐNT-PTN-KCN ngày 28/03/2008 giữa Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2 - Khu công nghiệp Cát Lái -2 và Công ty cổ phần Điện tử Tân Bình; - Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ-CI.2-VTB ngày 15/08/2016 giữa Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận 2 và Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình;
2	Công ty cổ phần điện tử Thủ Đức	Số 30 Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh	1.064,5 m ²	Số 15C đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	- Đang thi công công trình. Văn phòng kết hợp Hợp tác khai thác mặt bằng. - Nhà nước cho thuê	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00683 ngày 18/07/2008 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp; - Hợp đồng thuê đất số 5449/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 10/07/2008 ký giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ doanh nghiệp	Tình hình sử dụng đất đai các đơn vị			
			Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hiện trạng, đất thuê/ giao	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc khu đất
					đất, trả tiền hàng năm. - Thời hạn: 50 năm đến hết 19/03/2057.	Chí Minh và Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức; - Phụ lục hợp đồng thuê đất số 5667/PLHĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 30/08/2013 ký giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức;
			6.994,9 m ² , trong đó: - 6.022,2 m ² đất không thuộc phạm vi lộ giới - 972,7 m ² đất thuộc phạm vi lộ giới, là đất sản xuất, kinh doanh không phải là đất thương mại, dịch vụ (sử dụng làm kho và xưởng sản xuất)	Số 30 Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh	- Văn phòng. - Hợp tác khai thác mặt bằng. - Nhà nước cho thuê đất, trả tiền hàng năm. - Đã hết hạn thuê đất, Công ty làm thủ tục tuy nhiên chưa được gia hạn hợp đồng thuê đất. - 2.182 m ² nằm trong diện giải toả thuộc dự án mở rộng đường Vành đai 2 của Thành phố Hồ Chí Minh.	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00100 ngày 21/09/2005 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp; - Hợp đồng thuê đất số 6469/HĐTĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 16/09/2005 ký giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Điện tử Thủ Đức; - Phụ lục hợp đồng thuê đất số 4689/PLHĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 07/07/2014 ký giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức;

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ doanh nghiệp	Tình hình sử dụng đất đai các đơn vị			
			Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hiện trạng, đất thuê/ giao	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc khu đất
			9.403 m ² trong đó: - 8.778 m ² đất không thuộc phạm vi lộ giới - 625 m ² đất thuộc phạm vi lộ giới	Số 75 Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long, Thành phố Hồ Chí Minh	- Văn phòng nhà xưởng kho bãi. - Hợp tác khai thác mặt bằng. - Nhà nước cho thuê đất, trả tiền hàng năm. - Đã hết hạn thuê đất, Công ty làm thủ tục tuy nhiên chưa được gia hạn hợp đồng thuê đất. - 816 m² nằm trong diện giải toả thuộc dự án mở rộng đường Vành đai 2 của Thành phố Hồ Chí Minh.	- Hợp đồng thuê đất số 4224/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 23/07/2012 ký giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức; - Phụ lục hợp đồng thuê đất số 5887/PLHĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 04/10/2012 ký giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức. - Phụ lục hợp đồng thuê đất số 13612/PLHĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 19/12/2016 ký giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức;
3	Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa	Số 204 đường Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	24.406,1 m ² , trong đó: - 23.969,2 m ² đất không thuộc phạm vi lộ giới, với 1.050 m ² đất thương mại dịch vụ (sử dụng	Số 204 đường Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	- Văn phòng, kho, xưởng sản xuất và khai thác mặt bằng. - Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ734158 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/10/2006; - Hợp đồng thuê đất số 9871/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 16/10/2006 giữa

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ doanh nghiệp	Tình hình sử dụng đất đai các đơn vị			
			Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hiện trạng, đất thuê/ giao	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc khu đất
		Minh	làm văn phòng); và 22.919,2 m ² đất sản xuất kinh doanh không phải là đất thương mại dịch vụ (sử dụng làm kho và xưởng sản xuất điện tử) - 436,9 m ² đất thuộc phạm vi lộ giới, là đất sản xuất kinh doanh không phải là đất thương mại dịch vụ (sử dụng làm kho và xưởng sản xuất điện tử).	Chí Minh	năm (thời hạn đến 31/12/2020) - Hiện nay, hợp đồng thuê đất được gia hạn đến hết năm 2025, đang xin thủ tục tiếp tục gia hạn theo quy định.	Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa; - Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 2393/PLHĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 02/05/2013 giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa; - Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 8681/PLHĐ-STNMT-QLĐ ngày 07/09/2018 giữa Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa.
			10.151,5 m ²	Khu đất số IV-3A khu công nghiệp Hố Nai, Phường Hố Nai, Tỉnh Đồng Nai	- Văn phòng, kho, xưởng sản xuất và cho thuê - Thuê lại đất của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (Công ty Cổ phần khu công nghiệp Hố Nai) đến ngày 14/05/2048, trả tiền thuê đất hàng năm	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL015537 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/03/2008; - Hợp đồng thuê đất số 05/2004/HĐTĐ ngày 14/05/2004 giữa Công ty Đầu tư và Phát triển khu công nghiệp Hố Nai và Công ty TNHH MTV Điện tử Bình Hòa; - Phụ lục Hợp đồng số 05/2004/HĐTĐ-PLHĐ ngày 28/12/2004 giữa Công ty Đầu tư và Phát triển khu công nghiệp Hố Nai và Công ty TNHH MTV Điện tử Bình Hòa;

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ doanh nghiệp	Tình hình sử dụng đất đai các đơn vị			
			Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hiện trạng, đất thuê/ giao	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc khu đất
						- Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 05/2004/HĐTD-PLHĐ1 ngày 10/07/2007 giữa Công ty Cổ phần khu công nghiệp Hồ Nai và Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa.
4	Công ty cổ phần Điện tử Biên Hòa ("Belco")	52-54 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	110,1 m ²	52-54 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố HCM	- Cho thuê - Nhà đất thuê, trả tiền hàng năm. - Thời hạn thuê 19/06/2058.	- Hợp đồng thuê đất số 6833/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 22/08/2008 ký giữa Belco và Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. - Diện tích: 85,9m2 không phạm lộ giới. - Mục đích sử dụng: Đất sản xuất kinh doanh.
			861 m ²	97 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	- Cho thuê, văn phòng công ty. - Thời hạn thuê được gia hạn đến: 31/12/2045. - Hiện nay, Công ty đang làm thủ tục gia hạn thời gian thuê nhưng đến nay chưa được duyệt.	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00184/1a QSDĐ/7873/UB ngày 14/11/2001. - Quyết định số 2270 /QĐ-UBND ngày 19/05/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho công ty cổ phần Điện tử Biên Hòa được tiếp tục sử dụng đất sản xuất kinh doanh tại 97 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ doanh nghiệp	Tình hình sử dụng đất đai các đơn vị			
			Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hiện trạng, đất thuê/ giao	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc khu đất
			186 m ²	178 Bà Triệu, Phường Bà Triệu, Thành phố Hà Nội	- Cho thuê - Nhà đất thuê, trả tiền hàng năm. - Thời hạn thuê 24/12/2053.	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 180724 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/08/2006.
			26.288,8 m ²	Đường số 2 khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường Chấn Biên, Tỉnh Đồng Nai	- Cho thuê văn phòng và xưởng sản xuất công ty - Nhà đất thuê, trả tiền hàng năm. - Đang có chủ trương di dời nên việc sử dụng, khai thác gặp nhiều hạn chế.	- Hợp đồng thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 số 17 /HĐTĐ/BH1 ngày 14/07/2003 giữa Công ty phát triển Khu công nghiệp Biên Hòa và Công ty cổ phần điện tử Biên Hòa (Belco).
5	Công ty cổ phần Công trình Viettronics	Tầng 5 tòa nhà Sudico HH3, , đường Mễ Trì, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội	201 m ² sàn xây dựng	Tầng 5 tòa nhà Sudico HH3, , đường Mễ Trì, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội	- Trụ sở văn phòng giao dịch - Thuê sàn văn phòng từ tháng 4/2013, thời hạn 45 năm, trả tiền 1 lần.	- Hợp đồng thuê nhà văn phòng số 01.2013/HĐTV-P-VNC-EID ngày 02/04/2013 ký giữa Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp Năng lượng và Công ty cổ phần Công trình Viettronics.

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ doanh nghiệp	Tình hình sử dụng đất đai các đơn vị			
			Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hiện trạng, đất thuê/ giao	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc khu đất
Tình hình đất đai tại các đơn vị liên kết						
1	Công ty cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Thành Công, Thành phố Hà Nội.	2.262 m ²	18 Nguyễn Chí Thanh, Phường Thành Công, Thành phố Hà Nội	- Văn phòng, cho thuê - Đất thuê trả tiền hàng năm. - Thời hạn được gia hạn đến 01/01/2054.	- Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 của UBND TP Hà Nội. - Hợp đồng thuê đất số 393/HĐTĐ ngày 30/06/2014 ký giữa Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hà Nội và Công ty cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam (Vietcom). Mục đích cho thuê: cùng với công trình đã xây dựng làm trụ sở làm việc và cơ sở kinh doanh.
2	Công ty cổ phần Viettronimex	74 - 76 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	182,17 m ²	74 - 76 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	- Văn phòng, thương mại. - Chưa được gia hạn thời hạn thuê lâu dài, đóng tiền thuê nhà theo kỳ. - Ký hợp đồng thuê ngắn hạn (đến hết 31/12/2021).	Ký hợp đồng thuê nhà với Công ty Quản lý Nhà Thành phố Hồ Chí Minh.
			10.851 m ²	188 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh	- Nhà xưởng sản xuất. - Không ký được hợp đồng thuê dài	

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ doanh nghiệp	Tình hình sử dụng đất đai các đơn vị			
			Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hiện trạng, đất thuê/ giao	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc khu đất
				Chí Minh	hạn, trả tiền thuê theo kỳ. - Từ 1999 đến khi Nhà nước di dời	
			1919,3 m ²	512/22A Thống Nhất, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh	- Khai thác sử dụng cho trường học. - Thời hạn: 30 năm (năm 2026)	Ký hợp đồng thuê đất, cơ sở giáo dục.
			91,7 m ²	19 Nhà Thờ, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	- Văn phòng, thương mại. - Chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà. - Đất thuê trả tiền hàng năm - Thời hạn: 50 năm (28/06/2054)	Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố Hà Nội
3	Công ty cổ phần Máy tính Việt Nam	Số 26 Đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	1.618 m ²	Số 26 Đường Lý Tự Trọng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh	- Làm trụ sở văn phòng làm việc và khai thác theo đăng ký kinh doanh của công ty.	- Nhà thuê theo hợp đồng số 91/HĐTN-QLKDN-KD ký với công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh. - Thời hạn thuê: Ký hợp đồng 1 năm

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ doanh nghiệp	Tình hình sử dụng đất đai các đơn vị			
			Diện tích (m ²)	Địa điểm	Hiện trạng, đất thuê/ giao	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc khu đất
				Mình (Một phần trệt, lửng, một phần lầu 1, một phần lầu 2 và một phần lầu 3)		một. (Phải trả ngay khi có yêu cầu)
4	Công ty cổ phần Cơ khí Điện tử Phú Thọ Hòa	1026B Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	4.455,2 m ²	1026B Lũy Bán Bích, Phường Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	- Hiện sử dụng làm nhà xưởng sản xuất, văn phòng trụ sở công ty. - Nhà nước cho thuê đất cho đến khi thực hiện quy hoạch. - Thời hạn đến năm 2052	

(Nguồn: Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam)

16. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo của Tổng công ty

Bảng 38: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2025 trong trường hợp không thoái vốn tại một số đơn vị có vốn góp theo báo cáo tài chính riêng lẻ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2024
Doanh thu thuần	Triệu đồng	119.802	190.000	58,59%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(27.308)	2.600	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	-22,79%	1,37%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-6,21%	0,61% ^(*)	-
Tỷ lệ chia cổ tức	%	-	-	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01-2025NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2025 của Tổng công ty và BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024)

^(*): Giả định Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại thời điểm đầu năm 2025 và cuối năm 2025 không có sự thay đổi.

Bảng 39: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2025 trong trường hợp thoái vốn tại 1-2 đơn vị có vốn góp theo báo cáo tài chính riêng lẻ

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Năm 2025	
			Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2024
Doanh thu thuần	Triệu đồng	119.802	215.700	80,05%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(-27.308)	32.500	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	-22,79%	15,07%	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-6,21%	7,62% ^(*)	-
Tỷ lệ chia cổ tức	%	-	-	-

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01-2025NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2025 của Tổng công ty và BCTC riêng lẻ đã kiểm toán năm 2024)

^(*): Giả định Vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại thời điểm đầu năm 2025 và cuối năm 2025 không có sự thay đổi.

Để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 nêu trên, Tổng công ty đã đề ra một số giải pháp cần thực hiện là:

✓ **Tại Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

- Hoàn thiện Đề án tái cơ cấu, đề xuất phương án thoái vốn tại các doanh nghiệp không hiệu quả, không nằm trong danh sách các đơn vị cần nắm giữ cổ phần chi phối để tập trung

- nguồn lực, tăng cường hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao, bền vững cho Tổng công ty.
- Sớm hoàn thiện về phương án sắp xếp nhân sự và tổ chức bộ máy tại cơ quan Tổng công ty phù hợp với tình hình thực tế theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, hiệu quả cao.
 - Tích cực thực hiện thu hồi công nợ tồn đọng, tăng cường hiệu quả sử dụng vốn.
 - Quản lý tốt chi phí và tiết giảm chi phí quản lý.
 - Tích cực triển khai phương án tái cấu trúc đề trường Cao đẳng công nghệ Viettronics hoạt động ổn định, bền vững.
 - Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định nội bộ để hoạt động điều hành, quản lý được thuận lợi/thông suốt như Quy chế Người đại diện, Quy chế tổ chức bộ máy, Quy chế quy định về phân cấp thẩm quyền, Quy chế tài chính, các quy chế khác tương ứng.
 - Xem xét đề xuất thực hiện đầu tư theo phương án, chủ trương được duyệt, đảm bảo hiệu quả, an toàn vốn, đúng quy định.
- ✓ **Tại các doanh nghiệp có vốn góp**
- Kiện toàn đội ngũ Người đại diện tại các doanh nghiệp để đáp ứng với yêu cầu quản lý vốn đầu tư và hoạt động của doanh nghiệp theo định hướng và mục tiêu chung phát triển Tổng công ty. Phương án nhân sự Người đại diện tại một số đơn vị năm 2025 tổ chức đại hội cổ đông nhiệm kỳ, cần thay thế được trình xem xét theo thẩm quyền.
 - Thông qua người đại diện vốn, thường xuyên giám sát hoạt động của các doanh nghiệp; phối hợp với doanh nghiệp giải quyết các vấn đề phát sinh/khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh đúng định hướng, thẩm quyền, phân đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã đề ra. Phân đấu các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty trong năm 2025 hoạt động hiệu quả cao hơn năm 2024, các đơn vị như VTB, Belco, Viettronimex tiếp tục chia cổ tức ở mức tương đương các năm trước.
 - Tiếp tục thông qua người đại diện để tham gia vào việc hoàn thiện các quy chế nội bộ về tổ chức bộ máy, tiền lương, quản lý tài chính,... tại các công ty con đảm bảo phù hợp với nguyên tắc tăng cường quản lý để hoạt động hiệu quả, tối đa lợi ích thiết thực.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổng công ty:

Không có.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn:

Tại thời điểm lập bản Công bố thông tin, Tổng công ty có hai khoản tranh chấp, kiện tụng là khoản công nợ phải thu khó đòi với Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ và Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Ngân Thịnh.

Hai khoản công nợ phải thu khó này là hai khoản nợ xấu Tổng công ty theo dõi trên sổ sách kế toán với tổng giá trị là 9,99 tỷ đồng, gồm phải thu Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Phú Thọ là 3.031.346.388 đồng và phải thu Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Ngân Thịnh là 6.962.348.573 đồng.

Ngoài ra, ngày 04/04/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã ra quyết định số 333/QĐ-SGDHN về việc duy trì diện cảnh báo đối với cổ phiếu VEC của Tổng công ty. Lý do duy trì

cảnh báo là do Báo cáo tài chính năm bị tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ từ 03 năm liên tiếp trở lên.

18.1 Khoản công nợ phải thu của Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ

Khoản công nợ phát sinh từ năm 2004 theo Hợp đồng số 19/HĐ/ĐT-TGD ngày 30/6/2004 giữa Tổng công ty với Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Phú Thọ mua một máy CT – mô phỏng PHILIPS – Hà Lan.

Tính đến thời điểm Tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần ngày 28/02/2007, giá trị khoản công nợ phải thu là 3.137.035.125 đồng (gồm 3.000.000.000 đồng Nợ gốc và lãi phát sinh là 137.035.125 đồng).

Tổng công ty đã thuê Văn phòng Luật sư Phú Lâm – thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ pháp lý để khởi kiện Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ ra Tòa án nhân dân Quận Tân Phú – thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng công ty đã có nhiều văn bản yêu cầu thi hành án gửi Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú đề nghị thực hiện buộc Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc và lãi, lãi trả chậm. Tuy nhiên, đến nay sự việc vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

Ngày 22/03/2019, Công ty đấu giá hợp danh Miền Nam đã tổ chức bán đấu giá thành tài sản Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất địa chỉ số 298 Độc Lập, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền bán đấu giá là: 273.874.080.796 đồng và được thanh toán cho ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo quy định (theo bảng tính lãi chi tiết ngày 16/04/2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, số gốc lãi theo nội dung bản án tính đến ngày 22/03/2019 là 516.793.754.906 đồng).

Sau khi xử lý tài sản nêu trên. Cục thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã tiếp tục xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án để thi hành nghĩa vụ còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín và người được thi hành án trong các bản án, quyết định khác. Đến nay, qua xác minh được biết, người phải thi hành án không có tài sản khác để thi hành.

Đến ngày 06/11/2023, Cục thi hành án Dân Sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 19715/TB-THADS về việc thi hành án.

18.2 Khoản công nợ phải thu của Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Ngân Thịnh

Khoản công nợ phát sinh từ năm 2004 theo Hợp đồng số 20/HĐ/ĐT-TGD ngày 30/6/2004 giữa Tổng công ty với Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Ngân Thịnh (Thành phố Hồ Chí Minh) mua một máy CT – mô phỏng PHILIPS – Hà Lan.

Tính đến đến 28/02/2007, giá trị khoản công nợ phải thu là 7.460.173.933 đồng (gồm nợ gốc là 5.454.351.000 đồng và lãi phát sinh là 2.005.822.933 đồng).

Tổng công ty đã thuê Văn phòng Luật sư Phú Lâm – Thành phố Hồ Chí Minh hỗ trợ pháp lý để khởi kiện Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Ngân Thịnh ra Tòa án nhân dân Quận 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng công ty đã có nhiều văn bản yêu cầu thi hành án gửi Chi cục thi hành án dân sự quận 8 đề nghị thực hiện buộc Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Ngân Thịnh có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc và lãi, lãi trả chậm và hoàn lại án phí. Tuy nhiên, đến nay sự việc vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Ngân Thịnh đã hoàn trả 600.000.000 đồng cho Tổng công ty. Theo sổ sách kế toán của Tổng công ty tại báo cáo tài chính quý III/2022 đến nay,

khoản phải thu khó đòi này là 6.962.348.573 đồng (bao gồm 4.854.351.000 đồng nợ gốc và 2.107.997.573 đồng tiền lãi phải thu). Khoản phải thu khó đòi này đã được Tổng công ty thực hiện trích lập dự phòng.

19. Một số lưu ý khác:

Căn cứ theo công văn số 5105/BTC-TCDN ngày 02/06/2022 về việc triển khai Nghị định số 148/2021/NĐ-CP của Chính phủ và công văn số 1379/BTC-TCDN ngày 14/02/2022 về việc rà soát, đối chiếu, đơn đốc nợ Quỹ HTSX&PTDN, số tiền lãi chậm nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp của Tổng công ty là 2.696.531.466 đồng. Tổng công ty chưa xác nhận khoản công nợ lãi chậm trả nêu trên do Tổng công ty đã báo cáo tại công văn số 449CV/ĐT-TCKT ngày 12/12/2022 về việc “đ/n xử lý dứt điểm lãi chậm nộp về quỹ HTSX & PTDN” và chờ cơ quan có thẩm quyền ra quyết định về vấn đề này.

VII. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. **Tên cổ phần chuyển nhượng:** Cổ phần Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam
2. **Loại cổ phần chuyển nhượng:** Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
3. **Tổng số lượng cổ phần dự kiến chuyển nhượng: 38.529.750 cổ phần** (bằng chữ: Ba mươi tám triệu năm trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi cổ phần), chiếm tỷ lệ 87,97% tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.
4. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
5. **Phương thức chuyển nhượng vốn:** Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-ĐTKDV ngày 12/09/2025 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. Theo đó, SCIC sẽ triển khai bán đấu giá công khai cả lô cổ phần (số lô cổ phần đấu giá là 01 lô), theo đó mỗi nhà đầu tư phải đăng ký và đặt mua toàn bộ lô cổ phần chào bán (38.529.750 cổ phần).
6. **Giá khởi điểm đấu giá:**
Giá khởi điểm bán đấu giá cả lô cổ phần: 964.344.000.000 đồng/lô cổ phần (bằng chữ: Chín trăm sáu mươi bốn tỷ ba trăm bốn mươi bốn triệu đồng một lô cổ phần).
7. **Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm:**
Căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá số 031.2025.30E/CT-ĐG/VAE ngày 28/07/2025 do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam phát hành.
Căn cứ theo Quyết định số 232/QĐ-ĐTKDV ngày 12/09/2025 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt phương án bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước tại Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.
8. **Tổ chức bán đấu giá cổ phần:**
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)
Địa chỉ: số 02 Phan Chu Trinh, phường Cửa Nam, Hà Nội
Điện thoại: 024 3941 2626 - Fax: 024 3934 7818
9. **Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn:**
Thời gian công bố thông tin, lịch trình tổ chức bán đấu giá và phân phối cổ phiếu thực hiện theo Quy chế bán đấu giá cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – công ty TNHH tại Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.
10. **Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến**
Thời gian, số lượng, phương thức thanh toán, chuyển giao cổ phiếu, quyền lợi người mua cổ phiếu, số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu, thời hạn và cách thức trả lại tiền mua cổ phiếu,..... được thực hiện theo Quy chế bán đấu giá do Tổ chức bán đấu giá cổ phần ban hành.

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Ngày 25/10/2022, UBCKNN đã có công văn số 7038/UBCK-PTTT về hồ sơ thông báo sở hữu nước ngoài tối đa của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam được xác định là 0%.

Tại đợt đấu giá thoái vốn lần này, SCIC thực hiện bán cả lô 38.529.750 cổ phần, tương đương với 87,97% vốn điều lệ của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam. Vì vậy, nhà đầu tư nước ngoài không được phép mua cổ phần chào bán đấu giá của SCIC tại Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.

12. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn:

Toàn bộ số cổ phần của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam do SCIC sở hữu được tự do chuyển nhượng theo quy định của Pháp luật hiện hành.

13. Các loại thuế có liên quan:

Nhà đầu tư tham gia đấu giá có trách nhiệm kê khai và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế thu nhập và các thuế liên quan đến cổ phiếu chào bán, phí nhận chuyển nhượng và phí chuyển nhượng chứng khoán, các khoản thuế hoặc chi phí khác liên quan đến chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Pháp luật hiện hành.

14. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn

Hồ sơ đấu giá, phương tiện, địa điểm công bố thông tin được quy định tại Quy chế đấu giá.

VIII. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Mục đích chào bán cổ phần của SCIC tại Tổng công ty nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà SCIC không cần giữ cổ phần. Việc chuyển nhượng cổ phần của SCIC tại Tổng công ty chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông SCIC trong cơ cấu cổ đông của Tổng công ty mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký.

IX. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN**1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng****TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC – CÔNG TY TNHH**

Địa chỉ: Tầng 23, tòa nhà Charmvit, số 117 Trần Duy Hưng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3824 0703 - Fax: (84-24) 6278 0136

Website: www.scic.vn

2. Tổ chức có vốn của SCIC**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**

Trụ sở chính: Số 15 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 8256404 - Fax: 8264786

3. Tổ chức bán đấu giá cổ phần**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3941 2626 - Fax: 024 3934 7818

4. Tổ chức tư vấn chào bán**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS**

Trụ sở chính: Tầng 3,6,9 số 2A phố Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 37726699 - Fax: (84-24) 37726763

Website: www.eves.com.vn

5. Tổ chức thẩm định giá**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Trụ sở chính: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà, Số 165 Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 6 2670491/92/93 - Fax: 024 6 2670494

Website: www.vae.com.vn

6. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc tại thời điểm 31/12/2023**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Trụ sở chính: Tầng 5, Tháp B2, tòa nhà Roman Plaza, đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 5678 3999

Website: www.uhy.vn

7. **Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc tại thời điểm 31/12/2024 và soát xét báo cáo tài chính kết thúc tại thời điểm 30/06/2025**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Trụ sở chính: Tầng 8, cao ốc Văn phòng VG Building số 235 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3783 2121 - Fax: (84-24) 3783 2122

Website: www.cpavietnam.vn

X. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

Bản công bố thông tin này được Công ty Cổ phần Chứng khoán EVS xây dựng một cách trung thực, hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin do Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH và Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cung cấp.

XI. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá chung về tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trước khi đăng ký mua cổ phần. Tuy nhiên, do đợt chào bán này không phải là đợt phát hành/chào bán cổ phiếu của doanh nghiệp để huy động vốn trên thị trường sơ cấp nên Bản công bố thông tin này được chúng tôi xây dựng với khả năng và nỗ lực cao nhất từ các nguồn đáng tin cậy như đã trình bày và mong muốn công bố/thông báo tới Nhà đầu tư về tình hình doanh nghiệp và các thông tin liên quan đến doanh nghiệp.

Bản công bố thông tin này không bảo đảm rằng đã chứa đựng đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và chúng tôi cũng không thực hiện phân tích, đưa ra bất kỳ ý kiến đánh giá nào với hàm ý đảm bảo giá trị của cổ phiếu. Do đó, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư trước khi tham gia đấu giá cần tìm hiểu thêm thông tin về doanh nghiệp, bao gồm nhưng không giới hạn như Điều lệ doanh nghiệp, các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết Hội đồng quản trị, các Báo cáo của Ban Kiểm soát, các Báo cáo tài chính, Báo cáo kiểm toán, tình hình doanh nghiệp, Báo cáo thường niên ... cũng như bảo đảm rằng việc đăng ký mua hay thực hiện giao dịch là đúng thẩm quyền, tuân thủ các quy định về công bố thông tin, giao dịch của cổ đông lớn, người nội bộ, giới hạn tỷ lệ sở hữu, được thanh toán bằng nguồn tiền hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty cổ phần Chứng khoán EVS và nhân viên của Công ty cổ phần Chứng khoán EVS (bao gồm cả nhân viên thực hiện Bản Công bố thông tin này) có thể đang sở hữu, mua bán (ngoài đợt chào bán cổ phần của SCIC), thực hiện các dịch vụ môi giới, tư vấn đầu tư, hoặc các dịch vụ khác trong phạm vi pháp luật cho phép liên quan đến cổ phần của Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam cho SCIC, chính Tổng công ty cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam và các khách hàng khác của Công ty cổ phần Chứng khoán EVS và các công ty con, công ty liên kết. Nhà đầu tư cần xem xét, đánh giá khả năng mâu thuẫn lợi ích khi sử dụng Bản Công bố thông tin này.

Nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Tổ chức có vốn nhà nước được chuyển nhượng, Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng, Tổ chức tư vấn và các công ty con, công ty liên kết, nhân viên của họ không chịu trách nhiệm về việc Nhà đầu tư sử dụng Bản công bố thông tin này cho mục đích của mình.

Trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày 22 tháng 09 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC
– CÔNG TY TNHH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thanh Tuấn

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÓ VỐN CỦA SCIC
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Hải Vĩnh

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN CHÀO BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EVS
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hải